

ĐẠO ĐỨC KINH

<http://nhantu.net/>

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



Lão Tử kỵ ngựa 老子騎牛 (Lão Tử cười trâu) -
tranh của Triều Vô Cửu 晁無咎 (1053-1110) đời Bắc Tống

MỤC LỤC

Khảo Luận

Phi lộ

1. Tiểu sử Lão tử

a. Tiểu sử Lão tử theo Tư Mã Thiên:

* Lão tử truyện khảo

* Lão tử cổ tích đồ

b. Tiểu sử Lão tử theo Lão tử minh

c. Tiểu sử Lão tử theo Lão tử biến hoá

kinh

2. Đại cương Đạo đức kinh

a. Lão tử - một con người hiếu cổ

b. Lão tử là một nhà huyền học

c. Toát lược Đạo đức kinh

3. Tổng luận

Bình dịch

THƯỢNG KINH: ĐẠO KINH

[Chương 1](#) - Thể Đạo

[Chương 2](#) - Dưỡng thân

[Chương 3](#) - An dân

[Chương 4](#) - Vô nguyên

[Chương 5](#) - Hư dụng

[Chương 6](#) - Thành tượng

[Chương 7](#) - Thao quang

[Chương 8](#) - Dị tính

[Chương 9](#) - Vận di

[Chương 10](#) - Năng vi

[Chương 11](#) - Vô dụng

[Chương 12](#) - Kiểm dục

[Chương 13](#) - Yếm sĩ

HẠ KINH: ĐỨC KINH

[Chương 38](#) - Luận đức

[Chương 39](#) - Pháp bản

[Chương 40](#) - Khử dụng

[Chương 41](#) - Đồng dị

[Chương 42](#) - Đạo hoá

[Chương 43](#) - Biến dụng

[Chương 44](#) - Tri chỉ

[Chương 45](#) - Hồng đức

[Chương 46](#) - Kiệm dục

[Chương 47](#) - Giám viễn

[Chương 48](#) - Vong tri

[Chương 49](#) - Nhiệm

đức

[Chương 50](#) - Quý sinh

<u>Chương 14</u> - Tán huyền	<u>Chương 51</u> - Dưỡng
<u>Chương 15</u> - Hiến đức	đức
<u>Chương 16</u> - Qui căn	<u>Chương 52</u> - Qui
<u>Chương 17</u> - Thuần phong	nguyên
<u>Chương 18</u> - Tục bạc	<u>Chương 53</u> - Ích chứng
<u>Chương 19</u> - Hoàn thuần	<u>Chương 54</u> - Tu quan
<u>Chương 20</u> - Dị tục	<u>Chương 55</u> - Huyền
<u>Chương 21</u> - Hư tâm	phù
<u>Chương 22</u> - Ích khiêm	<u>Chương 56</u> - Huyền
<u>Chương 23</u> - Hư vô	đức
<u>Chương 24</u> - Khổ ân	<u>Chương 57</u> - Thuần
<u>Chương 25</u> - Tượng nguyên	phong
<u>Chương 26</u> - Trọng đức	<u>Chương 58</u> - Thuận
<u>Chương 27</u> - Xảo dụng	hoá
<u>Chương 28</u> - Phản phác	<u>Chương 59</u> - Thủ đạo
<u>Chương 29</u> - Vô vi	<u>Chương 60</u> - Cư vị
<u>Chương 30</u> - Kiệm vu	<u>Chương 61</u> - Khiêm
<u>Chương 31</u> - Yển vũ	đức
<u>Chương 32</u> - Thánh đức	<u>Chương 62</u> - Vi đạo
<u>Chương 33</u> - Biện đức	(Quí đạo)
<u>Chương 34</u> - Nhiệm thành	<u>Chương 63</u> - Tu thủy
<u>Chương 35</u> - Nhân đức	<u>Chương 64</u> - Thủ vi
<u>Chương 36</u> - Vi minh	<u>Chương 65</u> - Thuần
<u>Chương 37</u> - Vi chính	đức
	<u>Chương 66</u> - Hậu kỷ
	<u>Chương 67</u> - Tam bảo
	<u>Chương 68</u> - Phối thiên
	<u>Chương 69</u> - Huyền
	dụng
	<u>Chương 70</u> - Tri nan



[Chương 71 - Tri bệnh](#)

[Chương 72 - Ái kỷ](#)

[Chương 73 - Nhiệm vi](#)

[Chương 74 - Chế hoặc](#)

[Chương 75 - Tham tổn](#)

[Chương 76 - Giới
cường](#)

[Chương 77 - Thiên đạo](#)

[Chương 78 - Nhiệm tín](#)

[Chương 79 - Nhiệm
khế](#)

[Chương 80 - Độc lập](#)

[Chương 81 - Hiến chất](#)

[Sách tham khảo chính](#)

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

Thượng Kinh

ĐẠO KINH

上經 • 道經

CHƯƠNG I

THỂ ĐẠO [\[1\]](#)

體道

Hán văn:

道可道非常道. 名可名非常名. 無名天地之始; 有名萬物之母. 故常無欲以觀其妙; 常有欲, 以觀其徼. 此兩者同出而異名. 同謂之玄. 玄之又玄. 眾妙之門.

Phiên âm:

1. Đạo khả đạo phi thường Đạo. Danh khả danh phi thường danh.
2. Vô danh thiên địa chi thủy; Hữu danh vạn vật chi mẫu.
3. Cổ thường vô dục dĩ quan kỳ diệu; Thường hữu dục dĩ quan kỳ kiếu.
4. Thử lưỡng giả đồng xuất nhi dị danh. Đồng vị chi huyền. Huyền chi hựu huyền. Chúng diệu chi môn.

Dịch xuôi:

1. Đạo (mà) có thể gọi được, không phải là Đạo thường (hằng cửu). Tên mà có thể gọi được, không (còn) phải là tên thường (hằng cửu).
2. Không tên là gốc của trời đất, có tên là mẹ của muôn vật.
3. Cho nên thường không có dục để nhìn thấy chỗ vi diệu của mình. Thường có dục, để nhìn thấy chỗ giới hạn (công dụng) [\[2\]](#) của mình.
4. Hai cái đó cùng một nguồn gốc, nhưng tên khác nhau, đều gọi là Huyền nhiệm. (Cái) tối ư huyền nhiệm ấy chính là cửa phát sinh ra mọi điều huyền diệu.

Dịch thơ:

1. Hóa công hồ dễ đặt tên,
Khuôn thiêng hồ dễ mà đem luận bàn.
2. Không tên sáng tạo thế gian,
Có tên, là mẹ muôn vàn thụ sinh.

3. Tịch nhiên cho thấy uy linh,
Hiển dương cho thấy công trình vân vi.
4. Hai phương diện một Hóa Nhi,
Huyền linh khôn xuất huyền vi khôn lường.
Ấy là chúng diệu chi môn,
Cửa thiêng phát xuất mọi nguồn huyền vi.

BÌNH GIẢNG

Chương 1 này rất quan trọng vì bàn về Đạo thể của vũ trụ. Ta có thể nương theo ý Lão tử mà bình giải như sau:

Đạo là gì?

1. Đạo chính là Tuyệt đối, là Bản thể thường hằng cửu vũ trụ. Vì Tuyệt đối, nên Đạo khó bàn cãi, khó xưng danh.
2. Đạo chính là nguồn gốc sinh xuất vũ trụ quần sinh.
3. Đạo có thể ở vào một trong hai trạng thái: tĩnh và động. Tĩnh là trạng thái chưa hiển dương. Động là trạng thái đã hiển dương. Chưa hiển dương thời minh linh, ảo diệu, không biết đâu là bến bờ. Đã hiển dương, thời mới thấy công trình vân vi, giới hạn.
4. Nhưng hiển dương hay không hiển dương, vẫn chỉ là một đạo thể siêu vi. Danh hiệu tuy khác nhau nhưng tựu trung vẫn là một thực thể. Đạo thể siêu vi ấy là cửa thiêng sinh xuất ra mọi điều huyền vi ảo diệu.
5. Quan niệm của các nhà bình giải về chữ Đạo: Các nhà bình giải và các dịch giả Âu châu thường hiểu Đạo là Nguyên lý vũ trụ. Wiegner dịch Đạo là Principe (Nguyên lý). A. Rémusat dịch Đạo là Logos (Thần ngôn). Stanislas Julien dịch Đạo là La Voie (Đường). P. B. Blakney dịch Đạo là The Way (Đường). Các dịch giả người Đức dịch Đạo là Weg (Đường), Vernunft (Lý), Wort (Logos, Thần ngôn), Wahrheit (Chân lý). A. W. Watts dịch Đạo là Réalité ultime (Thực thể tối hậu). Trong bản dịch Đạo Đức Kinh đầu tiên ra tiếng Latinh chữ Đạo đã được dịch là: Lý; Nguyên lý; Tạo hóa. [3] A. Rémusat, giáo sư Hoa ngữ ở Đại học Paris, dịch giả Đạo đức kinh, cho rằng chỉ có thể dịch chữ Đạo bằng chữ Logos với nghĩa là Nguyên thể, Nguyên lý, Nguyên âm. [4] Hardwick, giáo sư đại học Cambridge, cho rằng chữ Đạo phải được hiểu là Nguyên nhân trù tượng, là Nguyên lý, Nguyên sinh vô hình, vô tượng, vô thủy vô chung, vô biên tế, v.v. [5]
Các nhà bình giải Đạo đức kinh, Hoa hay Việt cũng đều giải Đạo là Nguyên lý tối cao, là nguồn gốc sinh ra trời đất vạn vật, là Thái cực, v.v.

Để giải thích chữ Đạo cho rõ hơn, tôi mượn lời lẽ của Hoài Nam tử 淮南子 trong thiên Nguyên đạo 原道訓 (xem Hoài Nam tử, chương I), và trình bày như sau:

«Hóa công chở đất che trời,
Mênh mông bốn hướng, chơi vui tám từng.
Cao cao vô tận vô ngần,
Thẳm sâu, sâu mấy muôn tầm đo sao.
Trùm trời mà đất cũng bao,
Vô hình, vô tượng, nhẽ nào hình dung.
Nguồn tung, suối tỏa từng bùng,
Ngõ là sắp cận, bỗng dưng đầy tràn.
Ào ào, cuộn cuộn, vang vang,
Ngõ là vẫn đục, vẫn hoàn trong veo.
Giồng lên, đất ngợp trời teo,
Tung ra, bốn biển có chiều mừng lung.
Ra tay linh diệu khôn cùng,
Quang âm khôn cản, dậm chùng vân du.
Khi tung trời đất không vừa,
Khi thu, nhỏ xíu lọt vừa nắm tay.
Tuy co mà dẫn như mây,
Tuy mờ mà sáng như ngày nắng chang.
Tơ non mà rất cương cường,
Mềm nhung, mà rắn in tường thép gang.
Gồm tứ đức, vai mang tuế nguyệt,
Ngất trời mây soi hết trắng sao.
Mịn màng, thắm thiết biết bao,
Tế vi, tươm tất tả sao cho cùng.
Núi nhờ thế, mà tung cao vút,
Vực dựa uy, sâu ngút ngàn trùng.

Ngài cho thú chạy trong rừng,
Cho chim tung cánh chín từng mây xanh.
Ngài tô ánh quang minh nhật nguyệt,
Ngài rong cương ruỗi hết tinh vi.
Kỳ lân đùa rồn cũng vì,
Phượng loan bay bổng quyền uy không ngoài.
Đời thái cổ, có hai hoàng đế,
Nhờ ơn ngài chỉ vẽ trước sau,
Mới nên nhân đức nhiệm màu;
Thần thông hóa dục, dẫn đầu muôn phương.
Quyền uy ngài khôn lường, khôn tả,
Rung cả trời, lắng cả đất đai,
Quay cho trời đất vẫn xoay,
Xô cho nước chảy đêm ngày chẳng thôi.
Thủy chung để sánh vai muôn vật,
Thổi gió giông, ủ ấp làn mây,
Việc gì cũng có đúng tay,
Ầm ầm sấm động, mưa bay tỏ quyền...»

Sau khi đã hiểu Đạo là Nguyên lý tối của của vạn hữu, sau khi đã nhận định rằng Đạo vô hình danh và bất khả tư nghị, tôi sẽ dùng những từ ngữ «hữu hình danh» như: **Hóa Công, Hóa Nhi, Tạo hóa, Khuôn xanh, Khuôn thiêng**, v.v. để dịch chữ Đạo.

Sở dĩ tôi dám làm như vậy là vì:

1. Đạo không có tên, cho nên dùng danh từ nào cũng bất xứng như nhau, kể từ ngay cả chữ Đạo.

Chính Lão tử cũng chủ trương như vậy. Ngài viết: «Ngô bất tri kỳ danh, tự chi viết đạo.» 吾不知其名,字之曰道 (Ta không biết tên ngài, ta gọi bằng Đạo.)

2. Trang tử nhiều khi cũng đã nhân cách hóa Đạo và gọi bằng Tạo Hóa, Tạo vật giả, v.v. (Xem Nam Hoa kinh, chương 6, F).

Câu «Thường vô dục dĩ quan kỳ diệu, thường hữu dục dĩ quan kỳ kiếu.» 常無欲以觀其妙,常有欲以觀其徼 nơi đoạn 3 chương này xưa nay thường được dịch và giải như sau:

«Không có dục tình mới thất được bản thể vi diệu của Đạo, có dục tình thời chỉ thấy được những hình tướng, vạn thù, sai biệt bên ngoài của Đạo mà thôi.»

Ý rằng muốn hiểu Đạo, thời cần phải sống phối kết với Đạo, vì thế nên Hà Thượng Công 河上公 mới gọi chương này là «Thể Đạo» 體道. Các nhà Đạo học cũng còn cho rằng hai câu này chính là chìa khóa để đi vào công phu tu luyện, đắc đạo, thành tiên. Hà Thượng Công 河上公, Huỳnh Nguyên Cát 黃元吉, Wiegner, Legge, Stanislas, Julien, v.v. đều hiểu nhất loạt như vậy.

«Rằng hay thì thật là hay», nhưng riêng tôi thấy rằng nếu dịch như vậy, chương nhất này sẽ mất mạch lạc. Đoạn 3 này sẽ không ăn ý với đoạn 4. Wiegner đã nhìn thấy sự mất mạch lạc ấy nên ông đã đánh số đoạn 3 thành đoạn 4, và lúc dịch đã đem đoạn 3 này xuống cuối chương.

Chẳng lẽ Lão tử viết sách mà không lưu ý đến mạch lạc của chương cú hay sao. Chính vì vậy mà khi dịch tôi vẫn áp dụng hai câu này cho Đạo, thay vì cho người, và cho rằng hai câu này mô tả hai phương diện ẩn hiện của Đạo.

Tịch nhiên cho thấy uy linh,

Hiển dương cho thấy công trình vận vi.

Dịch như vậy ta thấy hai câu sau cùng mới có ý nghĩa:

«Hai phương diện một Hóa Nhi,

Huyền linh khôn xiết, huyền vi khôn lường,

Ấy là chúng diệu chi môn,

Cửa thiêng phát xuất mọi nguồn huyền vi.»

Lỗi dịch và hiểu của tôi làm cho chương này trở nên nhất trí, vì trên dưới chỉ luận về Đạo, về Đạo thể. Và nếu có thể đặt tên cho chương này, tôi sẽ đặt là Đạo thể thay vì hai chữ Thể đạo của Hà Thượng Công.

Nhận xét rằng Lão tử sau này còn dùng nhiều chương để bàn luận về Đạo (xem các chương 4, 14, 6, 25, 34, 42, 52) thì không có lẽ nơi chương I, ngài lại nói được có một hai câu về Đạo, rồi vội vàng quay ra dạy công phu tu luyện, biết Đạo, hiểu Đạo. Chính vì vậy mà tôi mới có lỗi bình và dịch như trên. Sai hay phải sau này tùy công luận phê phán. [\[6\]](#)

[\[1\]](#) Tên các chương theo Hà Thượng Công 河上公.

[\[2\]](#) Annie Besant dịch:

Nous devons être trouvés toujours sans désir

Si nous voulons en sonder le mystère profond.

Mais si le désir est toujours en nous,
Nous n'en verrons que la frange extérieure
Annie Besant, *La Sagesse antique*, p. 22.

[3] The first translation of the Tao Teh King into a Western language was executed in Latin by some of the Roman Catholic missionaries and a copy of it was brought to England by a Mr. Matthew Raper, F. R. S. and presented by him to the Society at a meeting on the 10th January 1788, – being the gift to him of P. Jes. De Grammont, Missionarius Apostolicus, ex-Jesuita. In this version, Tào is taken in the sense of Ratio, or the Supreme Reason of the Divine Being, the Creator and Governor. James Legge, *The Text of Taoism*, p. 58.

[4] Ce mot me semble ne pas pouvoir être bien traduit si ce n'est par le mot Logos, dans le triple sens de souverain Être de raison et de parole.» (Ibid., p. 58)

[5] The indefinite expression Tao was adopted to denominate an abstract cause, or the initial principle of life and order, to which worshippers were able to assign the attributes of immateriality, eternity, immensity, invisibility. (Ibid., p. 59)

[6] a) Hai phương diện ẩn hiện của Đạo thường hay được các nhà huyền học đề cập tới. Annie Besant viết trong quyển *La Sagesse antique* như sau: Dans le Tào Teh Ching, l'enseignement traditionnel au sujet du Non-Manifesté et du Manifesté ressort clairement: Le Tào qui peut être suivi n'est pas le tao éternel et immuable. Le nom qui peut être nommé n'est pas le nom éternel et immuable. Lorsqu'il n'a point de nom, il est Celui qui a engendré le Ciel et la Terre; lorsqu'il possède un nom, il est la Mère de toutes choses. (...) Sous ces deux aspects, il est identique en réalité mais à mesure que le développement se produit, il reçoit différents noms. Ensemble nous les appelons le Mystère. (I, 1, 2, 4) Xem *La Sagesse antique*, p. 18.

b) Ramakrishna nhận định về Tuyệt đối cũng giống y như Lão tử. Ông viết trong quyển *L'Enseignement de Ramakrishna* như sau:

- L'Absolu est ineffable, impensable, inconcevable. (op, cit. p. 467)
- L'Absolu est l'Être non conditionné par quoi que ce soit: ni, par le temps, ni par l'espace, ni par la causalité, comment les paroles pourraient-elles l'exprimer. (Ibid., p. 467)
- Quand on pense à l'Être Suprême sous son aspect inactif (nishkriya) on le nomme Dieu absolu (Shuddha-Brahman) et quand on le représente sous son aspect actif créant soutenant et détruisant, on le nomme Shakti ou Divinité personnelle. (Ibid., p. 475)

CHƯƠNG 2

DƯỠNG THÂN

養身

Hán văn:

天下皆知美之為美, 斯惡已; 皆知善之為善, 斯不善已. 故有無相生, 難易相成, 長短相形, 高下相傾, 音聲相和, 前後相隨. 是以聖人處無為之事, 行不言之教. 萬物作焉而不辭, 生而不有, 為而不恃, 功成而弗居. 夫唯弗居, 是以不去.

Phiên âm:

1. Thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ; giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ. Cố hữu vô tương sinh, nan dị tương thành, trường đoản tương hình, [\[1\]](#) cao hạ tương khuynh, âm thanh tương hòa, tiền hậu tương tùy.
2. Thị dĩ thánh nhân xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo. [\[2\]](#)
3. Vạn vật tác yên nhi bất từ, sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, [\[3\]](#) công thành nhi phát cư.
4. Phù duy phát cư, thị dĩ bất khứ. [\[4\]](#)

Dịch xuôi:

1. Thiên hạ đều biết đẹp là đẹp, thế là xấu vậy; đều biết tốt là tốt thế là không tốt vậy, bởi vì có không sinh ra nhau dễ khó thành tựu lẫn nhau, ngắn dài tạo thành lẫn nhau, trên dưới lộn lạo ra nhau, thanh âm hòa hợp với nhau, sau trước theo nhau.
2. Cho nên thánh nhân dùng Vô vi mà xử sự, dùng «vô ngôn» mà dạy dỗ.
3. Vạn vật hoạt động mà vẫn im lìm; sống động mà không (đòi quyền) sở hữu; lao tác mà không cậy công; công thành mà không lưu luyến.
4. Không lưu luyến nên mới không mất.

Dịch thơ:

1. Người đời thấy đẹp biết khen,
Thế là cái xấu đã chen vào rồi.

*Điều hay đã rõ khúc nhôi,
 Thời đà dang dở lời thôi sinh dần.
 Mới hay: Không có chuyển vần,
 Để sinh ra khó, vẫn nhân thành dài.
 Thấp cao tùy ngó ngược xuôi,
 Tiếng ca, trầm bổng, dòng đời trước sau.
 2. Thánh nhân khinh khoát tầng cao,
 Vô vi, thâm lặng, tiêu hao dạy đời.
 3. Kia xem muôn vật thanh thoi,
 Im lìm sinh hoạt, một lời cũng không.
 Ngày đêm làm chẳng kể công,
 Công thành phơi phới, tuyệt không bận lòng.
 4. Không nấn ná lúc thành công,
 Cho nên tồn tại mãi cùng thiên thu.*

BÌNH GIẢNG

1. Sau khi đã cho ta thấy Đạo thể siêu việt tuyệt đối ở nơi chương I, Lão tử liền cho ta thấy nơi đây một cái nhìn bao quát về thế giới tương đối biến thiên, đầy mâu thuẫn, và cho rằng những mâu thuẫn ấy đều là tương đối, giả tạo đối với một nhà đạo học.

Theo Lão tử trong cái hay có cái dở, trong cái dở lại có cái hay. (ĐĐK, chương 58). Và lại, «Thiện ác cũng chẳng khác nhau là bao nhiêu.» (ĐĐK, ch. 20)

Tại sao vậy? Bởi vì vạn vật ảo hóa biến thiên. Nếu ta tách mọi sự ra khỏi vòng biến dịch, ta sẽ thấy xấu tốt khác nhau. Nhưng nếu ta lồng mọi sự vào vòng biến chuyển, ta sẽ thấy thiện cũng như ác, đẹp cũng như xấu, không có gì là cố định.

Héraclite cũng đã viết: «Trong chu kỳ biến hóa, sống chết đắp đổi nhau. Tiên tục, tục tiên; tục sống thời tiên chết, tục chết thời tiên sống.» [\[5\]](#)

«Sống hay chết, thức hay ngủ, trẻ hay già chỉ là một, vì sự biến hóa, cái này sẽ thành cái kia, cái kia sẽ thành cái nọ. [\[6\]](#) [...] Nhất tán thời thành vạn, vạn tụ thời thành nhất.» [\[7\]](#)

Kinh nghiệm cũng cho chúng ta thấy rằng: Sự thiện ác theo đà thời gian, theo trào lưu lịch sử cũng đã luôn luôn thay đổi bộ mặt.

Sử gia Henry Steele Commager viết: «Lịch sử cho chúng ta thấy rằng các tiêu chuẩn, các giá trị, các nguyên tắc biến đổi theo thời gian và xã hội. Ở trong một xã hội, chúng biến đổi theo mỗi thế hệ. Các giáo hoàng xưa đã được lựa chọn vì học vấn và nhân đức đã tin rằng luân lý bắt buộc các ngài phải tiêu trừ «loạn giáo» (hérésies) bằng sắt bằng lửa, bằng bạo tàn bằng tra tấn. Các người Âu châu thế kỷ XVI đã không ngần ngại, giết người da đỏ, vì cho rằng họ không có linh hồn. Những người thanh giáo (puritains) giỏi giang và ngay thẳng đã không ngần ngại kết án tử hình những mục phù thủy, và ở thế kỷ XIX, các người Công giáo miền Nam nước Mỹ đã cho rằng chế độ nô lệ là một ân sủng của Trời.» [8]

Trang tử cũng viết đại khái rằng: «Trên phương diện Đạo thể thì một cọng cỏ hay một xà nhà, nàng Lệ hay Tây Thi, vui hay buồn, khôn hay dại, tất cả đều là một. Thịnh suy thành bại chỉ là những trạng thái tương tục luân phiên. Tất cả đều là một nhưng chỉ có những bậc đại trí mới thấy được. Cho nên thánh nhân vượt lên trên các quan niệm thị phi yên nghỉ trong Hóa Công, mặc cho sự vật chuyển vần xuôi ngược.» [9]

Thế tức là trong thế giới biến dịch, ta phải chấp nhận mọi trạng thái, mọi khía cạnh, và phải biết vươn mình lên trên những cặp mâu thuẫn tương đối ấy để sống trong Đạo thể đại đồng. Vì thế tiếp theo Lão tử mới khuyên chúng ta: Xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo.» 處無為之事，行不言之教.

2. Xử vô vi chi sự

Hai chữ Vô vi rất là quan trọng. Lão tử, Liệt tử, Trang tử thường đề cập đến hai chữ vô vi. Ta thấy Đạo đức kinh đề cập hai chữ Vô vi nơi các chương:

- Chương 2, B
- Chương 3, C
- Chương 10, D
- Chương 37, A
- Chương 38, A
- Chương 43, B
- Chương 48, B
- Chương 57, C
- Chương 63, A
- Chương 64, C

Xung Hư chân kinh 沖虛真經 đề cập Vô vi nơi các chương:

- Chương 2, J (Léon Wiegier, *Les Pères du Système Taoiste*, tr. 94)

- Chương 8, H (tr. 186) (Định nghĩa Vô vi).

Nam Hoa kinh đề cập Vô vi nơi các chương:

- Chương 6, G (tr. 258) và E (tr. 254)
- Chương 7, F (tr. 266)
- Chương 10, D (tr. 280)
- Chương 11 A (tr. 284)
- Chương 11 D (tr. 290)
- Chương 11 F (tr. 292) (Định nghĩa Vô vi)
- Chương 12 A và B (tr. 294)
- Chương 13 A (tr. 308)
- Chương 13 B (tr. 310)
- Chương 15 B (tr. 130)
- Chương 18 A (tr. 350)
- Chương 22 H (tr. 396)

Vô vi là gì? Các học giả bình giải Đạo Đức kinh thường cho rằng Vô vi là sống thuận theo tự nhiên. Thiết tưởng giải như vậy chưa cho chúng ta thấy được hết tầm quan trọng của hai chữ Vô vi.

Liệt tử cho rằng: «Lời nói cao siêu nhất là sự thâm lặng, việc làm cao siêu nhất là vô vi.» [\[10\]](#)

Trang tử cho rằng: «Vô vi là đường lối của trời đất.» [\[11\]](#) «Vô vi là công việc của Trời.» [\[12\]](#) «Tịch mịch vô vi là căn bản của vạn vật.» [\[13\]](#) «Vô vi để trở về khế hợp với bản căn, bản tính, để thành thần.» [\[14\]](#)

Chương 37 Đạo Đức kinh cũng cho rằng Vô vi là hoạt động của Đạo. [\[15\]](#)

Các nhà luyện đan thời cho rằng:

- Vô vi là nhập đại định. [\[16\]](#)

- Đạt tới Vô vi là đạt tới Đại chu thiên 大周天, giai đoạn tối hậu của khoa luyện đan, tức là nhập định hóa thần 入定化神. [\[17\]](#)

Tóm lại, ta có thể nói rằng theo đạo Lão thì: Ở cõi hữu vi là cõi người; lên cõi vô vi là lên cõi trời.

Chính vì thế mà xưa cao tăng Cưu Ma La Thập 鳩摩羅什 (Kumarajiva, 340-413) đã dùng hai chữ Vô vi để dịch chữ Niết Bàn 涅槃. Như vậy đạt tới Vô vi tức là đạt tới cõi bất sinh bất diệt. [\[18\]](#)

Mặt khác chúng ta cũng nên ghi nhận rằng chữ Niết bàn còn được phiên âm ra tiếng Hán bằng hai chữ Nê hoàn 泥丸. [\[19\]](#)

Đạo Phật cũng đã dùng chữ Nê Hoàn để phiên âm chữ Niết Bàn. Kinh Thủ Lăng Nghiêm viết:

Phục thỉnh thể tôn vị chứng minh
Ngũ trước ác thế thệ tiên nhập.
Nhất nhất chúng sinh vị thành Phật
Chung bất ư thử thủ Nê Hoàn.

Dịch:

*Cúi xin Thế Tôn hãy chứng minh,
Đời ác ngũ trước thề vào trước.
Như một chúng sinh chưa thành Phật
Trót chẳng về nơi cảnh Niết Bàn.* [\[20\]](#)

Như vậy ta có: Niết Bàn = Vô vi = Nê Hoàn = Nã thất ba. Phương trình này làm ta liên tưởng đến câu nói sau đây của một nhà Tâm lý học Âu châu: «Sự khác biệt giữa kiến thức và tín ngưỡng chẳng qua là sự khác biệt giữa cổ não (trung não) và tân não (ngoại não).» [\[21\]](#)

Vượt lên trên thế giới phù sinh, tương đối để đi vào thế giới của chân nhất, của Đạo thể, đó là: Xử vô vi chi sự 處無為之事.

Khảo kinh Kim Cương, ta cũng thấy nói y như vậy. Phật nói: «Phàm cái gì có hình tướng, thấy đều hư vọng.» [\[22\]](#) Lại nói: «Phải lìa tất cả các chấp tướng mới gọi là chư Phật. [\[23\]](#)

Ngài Cảo thiền sư ngộ được câu «Lìa tất cả các vọng chấp mới là chư Phật» nên có làm hai bài tụng rằng:

«Thân khẩu ý thanh tịnh,
Thị danh Phật xuất thế.
Thân khẩu ý bất tịnh,
Thị danh Phật diệt độ.
Tức tâm thị Phật vô dư pháp.
Mê giả đa ư tâm ngoại cầu.
Nhất niệm quách nhiên qui bốn tế
Hoàn như tẩy khước thượng thuyền đầu.

Phỏng dịch:

Thân khẩu ý thanh tịnh,

*Đó là Phật xuất thế,
Thân khẩu ý bất tịnh,
Đó là Phật nhập diệt.
Tâm kia là Phật chớ nên quên,
Mê mới ngoài tâm kiếm mọi miền
Nhẽ ấy vỡ ra là tới Phật,
Dễ như rửa cẳng bước lên thuyền. [24]*

Phật lại dạy: Tu Bồ Đề, Bồ tát phát tâm Bồ đề phải xa lìa tất cả các chấp tướng. Bồ tát không nên sinh tâm trụ chấp nơi sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần và pháp trần [...] Nói tóm lại, Bồ tát đừng sinh vọng tâm trụ chấp một nơi nào cả. Nếu Bồ tát tâm còn trụ chấp nơi nào, thì không phải thật an trụ chân tâm. (Ib. 109).

Ta cũng có thể mượn mấy vần thơ phỏng theo ca vịnh David XV mà giải câu «Xử vô vi chi sự» như sau:

*Ai lên núi Chúa cao quang,
Dừng bước đèn vàng sang trọng huyền linh.
Là ai giữ tấm lòng thanh,
Giữ bàn tay khỏi vẩn tanh mùi phàm.
Ai lên núi Chúa cao quang,
Dừng bước đèn vàng sang trọng huyền linh.
Là ai sống giữa phù sinh,
Chẳng hề mơ ước quan bận hờn. [25]*

Hành vô ngôn chi giáo

Nếu trên đã giải Vô vi là hoạt động của thần, của Đạo, của Trời, thì bây giờ lại phải giải Vô ngôn là tiếng nói của Đạo, của Thần, của Trời. Tiếng nói của Thần, của Đạo tưởng là thầm lặng nhưng chính là sấm vang rung chuyển vũ trụ.

Lão tử Đạo đức kinh, chương 41 viết: «Đại âm hi thanh.» 大音希聲 (Tiếng to như sấm mà đường vô thanh.) Liệt tử giải: Vô ngôn là chí ngôn, là tiếng nói cao siêu nhất chính là vì vậy. [26]

Trang tử cũng viết trong Nam Hoa kinh: «Vô vi chi chi vị Thiên, vô vi ngôn chi chi vị Đức.»

*(Vô vi là việc của Trời,
Hễ là Đức cả không lời lặng thinh.)*

Vì thế cho nên những bậc đại trí thường muốn vô ngôn. Liệt tử viết: «Đắc ý giả vô ngôn, tiến trí giả diệc vô ngôn.» 得意者無言,進智者亦無言 (Người được như ý thời không nói. Người đại trí cũng không nói.)^[27]

Khổng tử cũng muốn Vô ngôn, vì đó là thái độ của Trời. Ngài nói: «Trời có nói gì đâu mà bốn mùa vẫn vãn xoay, vạn vật vẫn sinh hóa.»^[28]

Phật nói:

«Thủy tùng thành đạo hậu,
Chung chí Bạt đề hà.
Ư thị nhị trung gian,
Vị thường thuyết nhật tự.»

Dịch:

«Từ khi mới thành đạo,
Đến lúc nhập Niết Bàn,
Trong khoảng thời gian này,
Ta không nói một chữ.»^[29]

Kinh Kim Cương cũng viết: «Vô thuyết, vô văn, chân Bát Nhã.» 無說無聞真般若.^[30] Mới hay: Tiếng của người thì hữu thanh, hữu ngôn, tiếng của Trời, của Đạo thời vô thanh, vô ngôn.

3. Sống tự nhiên vô vi, vô ngôn như vậy chính là khuôn theo đường lối của trời đất, vì vũ trụ vạn vật đều im lìm sinh hoạt, tuy sinh mà không cho mình là có, tuy làm mà không tự thi, tuy thành công mà không lưu luyến với thành quả đã thu lượm được.

4. Thánh nhân cũng phải vô tự, vô dục, phải theo được gương người xưa «dầu được cả thiên hạ, lòng cũng không dính bén.»^[31] Có thể mới trường cửu cùng trời đất.^[32]

^[1] Bản của Vương Bật in là *Trường đoản tương giáo* 長短相較. Các bản sau này đổi là *Trường đoản tương hình* 長短相形 cho hợp vận với câu *Nan dị tương thành* 難易相成 ở trên.

^[2] Đoạn này sẽ được bàn lại nơi chương 43 *Đạo đức kinh*.

^[3] Đoạn này có hai cách dịch:

a. Cõi chữ «vạn vật» là chủ từ (sujet) (Xem James Legge, *The Texts of Taoism*, tr. 96; Nghiêm Toản, *Đạo Đức kinh*, tr. 11)

b. Coi chữ «thánh nhân» là chủ từ (sujet) chữ «vạn vật» là túc từ (complément) (Xem Wieger, *Les Pères du Système Taoïste*, tr. 19; Nguyễn duy Cần, *Đạo Đức Kinh*, tr. 46); Duyvendak lại cho câu này xuống nơi chương 51 (Xem J. J. L. Duyvendak, *Tao To King*, tr. 7, tr. 121). Tôi theo cách thứ nhất, vì lẽ động từ «tác» 作 và «sinh» 生 đều là những động từ không có bổ từ trực tiếp (complément direct).

[4] Wieger phân câu như sau: *Công thành nhi phất cư. Phù duy phất cư, thị dĩ bất khứ*. Tôi coi câu *Công thành nhi phất cư* thuộc vào cuối câu 3. James Legge cũng làm như vậy.

[5] Dans le cycle, vie et mort s'échangent. «Immortels, mortels, mortels immortels; notre vie est leur mort, et notre mort est leur vie.» (Abel Jannière, *La Pensée d'Héraclite d'Éphèse*, Aubier, Editions Montaigne, 1959, p. 80)

[6] C'est la même chose d'être, ce qui est vivant et ce qui est mort, éveillé ou endormi, jeune ou vieux, car par le changement ceci est cela, et par changement cela est à son tour ceci. (Ib. 80-81)

[7]... Grand cycle de la concentration et de la déconcentration de l'Identique. (Ib.)

L'un pénètre dans la multiplicité et la multiplicité n'est qu'une forme de l'Unité, bien plus, elle est l'Unité même... (Ib. 91.)

[8] Si l'histoire «nous apprend» quelque chose, c'est bien que les normes, les valeurs et les principes varient considérablement d'âge en âge, de société en société, et même d'une génération à l'autre, dans la même société. Des papes qui avaient été choisis pour leur savoir et leurs vertus étaient convaincus que la morale exigeait qu'ils abattent les hérésies par le fer et par le feu, par la cruauté et la torture; les Européens du XVIe siècle ne se faisaient aucun scrupule de tuer les Indiens, parce que les Indiens n'avait pas d'âme; des puritains doctes et droits envoyaient sans broncher les sorcières à la mort, et au XIXe siècle, dans le Sud des Etats Unis les chrétiens considéraient l'esclavage comme une béunédiction. Henry Steele Commager, *L'historien et l'histoire*, Nouveaux Horizons 1967, p. 149.

[9] *Nam Hoa Kinh*, chương 2, C.

[10] Chí ngôn khứ ngôn, chí vi vô vi 至言去言, 至為無為 (*Xung Hư chân kinh*, chương 2, J; Wieger, p. 94.)

[11] Vô vi nhi tôn giả, thiên đạo dã 無為而尊者, 天道也 (*Nam hoa kinh*, chương II, F; Wieger, p. 292.)

[12] Vô vi vi chi chi vị Thiên, vô vi giả, vạn vật chi bản dã 無為之謂天, 無為者萬物之本也. *Nam hoa kinh*, chương 12, B; Wieger, p. 294.)

[13] Phù hư tĩnh, điền đạm tịch mịch, vô vi giả, vạn vật chi bản dã 夫虛靜, 恬淡, 寂寞, 無為者, 萬物之本也 (*Nam hoa kinh*, chương 13, A; Wieger, p. 302.)

[14] Vô vi phục phác, thể tính, bảo thần 無為復樸, 體性抱神 (*Nam hoa kinh*, chương 12, K; Wieger, p.

302.)

[15] Đạo thường vô vi nhi vô bất vi 道常無為而無不為 (*Đạo đức kinh*, chương 37, A.)

[16] Đại chu nhập định 大周入定 (*Thiên tiên chánh lý trực luận*, tr. 36a.) Hữu vi giả tiểu chu thiên dã; vô vi giả đại chu thiên dã 有為者小周天也; 無為者大周天也 (*Thiên tiên chánh lý trực luận* 天仙正理直論, tr. 28a.)

[17] Cái tiểu chu thiên giả hóa khí, đại chu thiên giả hóa thần 蓋小周天者化氣, 大周天者化神 (Ib. 35a.)

[18] Vô vi tức Niết bàn, Phạn ngữ cụ túc viết Ban niết bàn. Dịch vi tịch diệt, hoặc bất sinh bất diệt. La Thập tự Trung Quốc cứu danh, dịch tác Vô vi. [...] Vô vi giả chỉ tự tính thanh tịnh chi tâm, nguyên lai cụ túc, vô tạo tác tướng. Phật kinh thượng vô tu vô chứng, tức chỉ thủ nhi ngôn. Chỉ yếu bả sinh diệt tâm diệt liễu, thủ tịch diệt tức hiện tiền. Chí tu hành hạ thủ, tức thượng văn phi pháp phi phi pháp, lưỡng biên bất thủ. Tương phân biệt vọng tưởng trừ tận phương khả... 無為即涅槃, 梵語具足曰般涅槃. 譯為寂滅, 或不生不滅. 羅什就中國舊名, 譯作無為. [...] 無為者指自性清淨之心, 原來具足, 無造作相. 佛經上無修無證, 即指此而言. 祇要把生滅心滅了, 此寂滅即現前. 至修行下手, 即上文非法非非法, 兩邊不取. 將分別妄想除盡方可 (Giang Vị Nông cư sĩ di trước, *Kim cương kinh giải nghĩa*, quyển 2, tr. 129.)

[19] Le terme Niwan (Nê hoàn) qui signifie littéralement Pilule de Boue est en réalité une transcription du mot sanscrit Nirvana. (Henry Maspero, *Le Taoïsme*, p. 94 (Xem thêm p. 19, 20, 92, 117, 141, 143.)

[20] Đại đức Thích Chân Giám dịch, *Thủ lãnh nghiêm*, Linh sơn Phật học Nghiên cứu hội, tr. 243.

[21] L'opposition entre la connaissance et la foi se remène à celle qui existe entre l'archipallium et le néopallium. -- Ernest Aeppli, *Psychologie du Conscient et de l'Inconscient*, Payot Paris, 1953, p. 19.

[22] Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng 凡所有相皆是虛妄 (*Kinh Kim cương*, Thích Thiện Hoa dịch, Hương đạo xuất bản, 1967, tr. 101.

[23] Ib., tr. 102.

[24] *Kinh Kim Cương*, Thích Thiện Hoa dịch, Hương đạo xuất bản, tr. 10.

[25] Nhạc đoàn Lê Bảo Tịnh, *Cung thánh tổng hợp*, 1963, tr. 70.

[26] *Xung Hư chân kinh*, chương 2, J.

[27] *Nam hoa kinh*, chương 12, B (Wieger, p. 294.)

[28] *Xung Hư chân kinh*, chương 4, E (Wieger, p. 120.)

[29] Tử viết: Dư dục vô ngôn. Tử Cống viết: Tử như bất ngôn, tắc tiểu tử hà thuật yên? Tử viết: Thiên hà ngôn tai, tử thời hành yên, vạn vật sinh yên, thiên hà ngôn tai? 子曰: 予欲無言. 子貢曰: 子如不言, 則小子何

述焉? 子曰: 天何言哉, 四時行焉, 萬物生焉, 天何言哉? (*Luận ngữ*, XVII, 18)

[30] Tử viết: Nguy nguy hồ! Thuấn Vũ chi hữu thiên hạ dã, nhi bất dư yên 子曰: 巍巍乎! 舜禹之有天下也, 而不與焉 (*Luận ngữ*, VIII, 18)

[31] Đắc thiên hạ nhi bất dư 得天下而不預 (*Luận Ngữ*)

[32] Về sự tương đối của các cặp mâu thuẫn, xin đọc thêm: *Đạo đức kinh* 20, D-36; A-40, A-58, B. *Nam hoa kinh* chương 2, C; 6, C.

CHƯƠNG 3

AN DÂN

安民

Hán văn:

不尚賢, 使民不爭. 不貴難得之貨, 使民不為盜. 不見可欲, 使民心不亂. 是以聖人之治, 虛其心, 實其腹, 弱其志, 強其骨. 常使民無知無欲. 使夫知不敢為也. 為無為, 則無不治.

Phiên âm:

1. Bất thượng hiền, sử dân bất tranh. Bất quý nan đắc chi hóa, sử dân bất vi đạo. Bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn.
2. Thị dĩ thánh nhân chi trị, hư kỳ tâm, thực kỳ phúc, [1] nhược kỳ chí, cường kỳ cốt. Thường sử dân vô tri vô dục. [2] Sở phù trí giả bất cảm vi dã.
3. Vi vô vi, tắc vô bất trị.

Dịch xuôi:

1. Không sùng thượng hiền tài, khiến cho dân không tranh. Không quý của khó được, khiến cho dân không trộm cướp. Không phô trương những gì kích thích lòng ham muốn, khiến cho lòng dân không loạn.
2. Vì vậy phép trị nước của thánh nhân là làm cho dân: Trống lòng; No dạ; Yếu chí; Mạnh xương. Thường khiến cho dân không biết, không ham. Khiến cho kẻ trí không dám làm gì cả.
3. Làm theo phép Vô vi, thời không gì là không trị.

Dịch thơ:

1. Không sùng thượng hiền tài trần thế,

Cho dân gian bỏ lệ tranh đua,

Không tham vật quý khó mua,
Cho dân hết thiết đi vợ của người.
Mọi vẻ đẹp bên ngoài chẳng thiết,
Cho lòng dân cao khiết trong veo.

2. Trị dân hiền thánh muốn điều,
Ít ham, ít muốn, ăn nhiều uống no.

Bao tơ tưởng làm cho yếu hết,
Nhưng thịt xương sắt thép khang cường. [\[3\]](#)

Tò mò, có tướng vắn vương,
Dân ta ta giữ cho thường vô lo,
Khiến người xảo quyết mưu cơ,
Sống trong cảnh ấy khó mà ra tay.

3. Sống khinh khoát mảy may chẳng bận,
Thời muôn điều ngang chướng hết ngay.

BÌNH GIẢNG

Chương này là một trong những chương của Đạo Đức kinh bàn về cách trị dân theo Lão tử. Vậy trước khi bình giải chương này chúng ta nên biết đại khái chủ trương của Lão tử và Trang tử về chính trị.

Chủ trương của Lão tử là muốn cho dân trở lại đời sống thời thái cổ, vì thời buổi ấy dân chúng sống thuần phác hồn nhiên, thuận thiên lý, chưa có chút gì là nhân vi ngụy tạo.

Thời thái cổ ấy đại khái là thời Tam Hoàng - Phục Hi, Thần Nông, Chúc Dung (khoảng 2800 trước kỷ nguyên trở về trước) - hoặc là thời trước nữa: càng mộc mạc, càng thô sơ càng tốt.

Ta có thể mượn lời Trang tử nói trong thiên Khu Khiếp 胠篋, Nam Hoa kinh mà mô tả thời thái cổ ấy như sau:

Thời thượng cổ là thời đạo đức,
Thời Đại Đình, Lật Lật, Chúc Dung,
Hiên Viên, Lý Súc, Thần Nông,

Hách Tur, Thái Hạo, Hoàng, Trung, Dung Thành. [\[4\]](#)

Thời buổi ấy thanh bình an lạc,
Và chúng dân thuần phác ung dung.
Thất thường bện lỗi mà dùng,
Ăn ngon, mặc đẹp, chưa từng xôn xang.
Thời buổi ấy lân bang giáp cạnh,
Tiếng gà kêu chó cắn đều nghe,
Tuy không cách trở sơn khê,
Mà không tiếp xúc đi về với nhau.
Thời buổi ấy đâu đâu cũng trị,
Sống yên bình đến thế thì thôi. [\[5\]](#)

Gần đây Ernest Aeppli, một nhà tâm lý học Âu châu đã mô tả trạng thái ban sơ ấy của nhân loại như sau: «Người ban sơ ít ngã chấp, sống hồn nhiên, thuận theo thiên lý.» Vì ngã chấp còn ít ỏi, nên họ sống hầu như hòa mình với đoàn thể, và chính vì thế, trách nhiệm họ cũng được giảm thiểu đến mức tối đa. Lúc ấy, đời sống tri thức họ rất thô sơ, nhưng sức mạnh vô thức họ lại hoạt động rất mạnh. Người thời buổi văn minh ngày nay thường ước mơ trạng thái ấy. Họ muốn trút bỏ trách nhiệm và muốn thoát nợ suy tư. Họ muốn trở lại tình trạng thiên nhiên, và họ tưởng tượng ra một đời sống tiên cảnh, khi mà con người chưa ăn phải trái tri thức đắng đót. [\[6\]](#)

Lão tử ước mơ cho dân con sống lại những ngày hoàng kim ấy. Đạo Đức kinh chương 80, Lão tử viết:

«Nước ta bé nhỏ dân thưa,
Vài mươi tôi giỏi, ta chưa hề dùng.
Dạy dân sợ chết làm lòng,
Cho nên dân chẳng vẫy vùng phiêu lưu.
Xe kia thuyền nọ đều hiu,
Nào ai muốn cưới, muốn chèo mà chi.
 Binh kia giáp nọ ử ê,
Chẳng ai dờ dỏi nghĩ khoe, nghĩ bày.
Dạy dân trở lại thất dây,

Sống đời thuần phác tháng ngày tiêu dao.

Cho dân ăn uống thanh tao,

Cho dân ăn mặc bảnh bao, chững chàng.

Cho dân đời sống bình an,

Cho dân phong tục dịu dàng đẹp tươi.

Liên bang nào cách mấy mươi,

Gà kêu, chó cắn đòi nơi rõ ràng.

Tuy rằng gần gũi tác gang,

Suốt đời dân chúng nào màng tới nơi.

Lão tử cũng như Trang đều cho rằng người xưa vẹn được thiên chân, thiên tính của mình, vì thế nên sung sướng hạnh phúc.

Ngày nay các nhà cầm quyền vì bày vẽ quá nhiều luật pháp, lễ nghi, hình thức, nên đã làm cho dân con mất thiên chân thiên tính, để rồi chạy theo những văn minh, những kiến thức kiến văn giả tạo bên ngoài. Những cái đó không đem lại hạnh phúc, an bình cho con người được; trái lại chúng chính là mầm loạn lạc chia ly.

Trang tử chủ trương đại khái như sau nơi thiên Mã đề 馬蹄:

«Kìa thiên hạ ung dung tự tại,

Sống đơn sơ vui với muông chim.

Sống đời mộc mạc tự nhiên,

Thung dung cùng đạo một niềm sắt son.

Vì đâu đã mỗi mòn nhón nhác,

Vì đâu nên tan tác phân ly?

Bày ra nhân nghĩa mà chi?

Để cho thiên hạ suy vi tàn phiền.

Gỗ không nát, sao nên được chén,

Ngọc không tan, sao vẹn chương khuê.

Đạo tan đức nát ê chề,
Mới bày ra được những bề nghĩa nhân.
Loạn năm sắc, mới văn mới vẽ,
Rối thanh âm, bày vẽ đàn ca.
Ai làm đạo đức xác xơ,
Lập ra nhân nghĩa vẫn vơ hại đời.
Lập nghi lễ, hình hài trói buộc,
Lập nghĩa nhân, bày chước ủi an.
Lòng người vì thế ly tan,
Khôn ngoan càng lắm, gian ngoan càng nhiều. [\[7\]](#)

Trong thiên Biên Mâu 駢拇, Trang tử lại viết đại khái rằng:

«Vậy đừng có suy bì về sự,
Đừng chia phối quân tử tiểu nhân.
Đã cùng đánh mất thiên chân,
Dù phân biệt hảo, cũng ngần ấy thôi.
Đem thiên tính làm tôi nhân nghĩa,
Giỏi Sử, Tăng ta kể như không.
Vì ăn mà tổn tác lòng,
Du nhĩ có giỏi, chớ hòng ta khen.
Đem nhã nhạc đảo điên tính khí,
Sư Khoáng kia, nào quý chi đâu.
Tính Trời lệ thuộc năm mầu,
Ly Chu ta cũng trước sau coi hèn.
Ta sau trước chỉ khen đạo đức,

Phục tính trời, chẳng phục nghĩa nhân.

Thông minh chẳng tại kiến văn,

Mà do tìm được cốt căn của mình.

Bỏ căn cốt tông minh đâu nữa,

Đạo Chích [8] kia cũng lừa Bá Di,[9]

Đều là đấm đuổi, sân si,

Đều là thiên lệch có gì khác đâu.

Nên ta chẳng tìm cầu nhân nghĩa,

Chẳng mơ màng dâm tị, đảo điên,

Cốt sao giữ vẹn căn nguyên,

Tính trời cốt giữ tinh truyền trước sau...» [10]

Vì thế cho nên theo Lão tử, làm chính trị là phải cố phục hồi trạng thái hỗn nhiên nguyên thủy ấy cho dân. Muốn được vậy đại khái sẽ:

1. Không sùng thượng hiền tài, để dân hết tranh dành.
2. Không tham vật quý khó mua, khó chuốc, để dân hết trộm cắp.
3. Không ngó ngàng đến những vẻ đẹp bên ngoài, để cho dân khỏi loạn.
4. Lo cho dân ăn uống no đủ, sống một đời sống khỏe mạnh. (Thực kỳ phúc, cường kỳ cốt.)
5. Không đem kiến văn kiến thức dạy dân. (Thường xử dân vô tri.)
6. Không kích thích thị hiếu của dân, cho lòng dân không bợn ham muốn tư dục, thanh thản hỗn nhiên. (Hư kỳ tâm..., thường sử dân vô tri vô dục.)
7. Giữ không cho những người khôn ngoan, tinh quái lũng đoạn tinh thần dân, đời sống dân.
8. Như vậy, dân sẽ sống hỗn nhiên, hạnh phúc, thế làm không làm mà vẫn làm được hết mọi sự, vẫn trị được hết mọi sự. (Vi vô vi tắc vô bất vi.)

Trong thiên Khư Khiếp 祛 箴, Trang Tử cũng theo chủ trương của Lão tử, nhưng đã trình bày chủ trương ấy với một luận điệu quyết liệt hơn nhiều. Ông viết đại khái như sau:

... Nên dứt tánh, dứt tình với trí,

Thời cướp ngày sẽ bí lối sinh.
Trầm châu, đắm ngọc tan tành,
Rời ra trộm cắp lưu manh hết liền.
Phá ấn tín, dân nên thuận phác,
Đập đầu cân, dân gác ghen tuông.
Phá tan thánh pháp, kỷ cương,
Rời ra dân sẽ rộng đường tới lui.
Vứt đàn sáo, bịt tai Sur Khoáng,
Thời chúng dân sẽ sáng tai ra.
Tung hê màu sắc văn hoa,
Cho mờ văn vẻ, cho lò Ly Châu. [\[11\]](#)
Hãy hủy hẳn giấy, câu, khuôn, thước,
Tay Công Thùy [\[12\]](#) tìm chước chặt đi.
Sử, Tăng [\[13\]](#) ta hãy khinh khi,
Bịt mồm Dương, [\[14\]](#) Mặc, [\[15\]](#) bịt đi đỡ phiền.
Điều nhân nghĩa đảo điên hãy bỏ,
Bỏ đi rồi, sẽ rõ huyền đồng.
Huyền đồng là chính thần thông,
Hợp cùng đạo cả, thung dung vẹn nghì.
Kìa Tăng, Sử, Công Thùy, Sur Khoáng,
Hạng Ly Chu hay hạng Mặc Dương.
Đều là nhân đức phô trương,
Dốc bầu tinh tú, huỳnh hoang bên ngoài.
Chính vì vậy gieo tai gieo họa,

Loạn dân tình, loạn cả nước non.

Tưởng là ích lợi ngàn muôn,

Nào ngờ điên đảo, mỗi mồn lòng ai. [\[16\]](#)

Tóm lại, chủ trương của Lão tử, chính là không can thiệp vào đời sống dân, không đem kiến văn, kiến thức dạy dân. Tại sao?

a. Vì con người là một nghệ phẩm tối cao, không được nhào nặn bậy bạ. Đạo Đức kinh chương 29 viết:

Những muốn nặn muốn nhào thiên hạ,

Suy cho cùng chẳng khá được nào.

Lòng người nghệ phẩm tối cao.

Ai cho ta nặn ta nhào tự do?

Lòng người ai nắm giữ hoài,

Già tay nặn bóp bao đời tiêu ma...» [\[17\]](#)

b. Vì thánh nhân chỉ giúp cho vạn vật sống tự nhiên theo thiên chân, thiên lý mà thôi. Đạo Đức kinh chương 64 viết:

Cho nên hiền thánh trên đời,

Chỉ say Đạo cả chơi vui ngàn trùng.

Của khan, vật hiếm chẳng mong,

Của đời người tế đèo bòng mà chi.

Học là học đạo siêu vi,

Dạy đời lầm lạc hướng đi tuyệt vời.

Giúp ai thanh thả đường trời,

Chứ không chọc nước quấy trời uổng công.

c. Vì đem điều xảo trá, đem kiến văn kiến thức dạy dân, là làm hại dân, làm cho họ trở nên xa Đạo, xa trời, trở nên bất trị, chứ không làm lợi cho họ. Đạo Đức kinh chương 65 viết:

Nên những kẻ am tường đạo cả,

Chẳng đem điều xảo trá dạy dân,

Muốn dân chất phác ôn thuần...» [\[18\]](#)

Đọc thiên Biện Mẫu của Trang tử ta càng thấy rõ chủ trương để mặc cho dân sống theo «tự nhiên» của Đạo Lão. Trang tử viết đại khái như sau:

«Chân nhân biết nhẽ chân thường,

«Thường nhiên», «chí chính» am tường vân vi.

Cũng vì vậy nên chê ngụy tạo,

Ghét những điều đánh tráo, lộn sòng.

Chân liền ngón chạnh, bấu sung,

Ấy đâu có phải của chung con người.

Cũng một lẽ, hán hài côn mãng,

Với những điều mô phạm nghĩa nhân.

Cùng là lễ nhạc, gian trần,

Ấy đâu có thuộc chân tâm con người.

Kìa Sư Khoáng vẽ vờ tơ trúc,

Nọ Ly, Chu háo hức xiêm y,

Sử, Tăng bày chuyện lễ nghi,

Mặc, Dương biện bác thôi thì trăm khoanh.

Thế đâu phải nhân tình chất phác,

Toàn là điều bôi bác bên ngoài.

Le le cổ ngắn lẽ trời,

Hạc kia dài cổ cũng thời tự nhiên.

Dài hay ngắn bớt thêm đều khổ,

Phá tự nhiên phá vỡ lòng ai.

Keo sơn, qui củ bên ngoài,

Chẳng qua vá víu nhất thời ích chi...

Bình chương này, Duvendak cho rằng về phương diện chính trị, đạo Lão phản văn hóa.^[19] Wieger cho rằng Lão tử muốn cho dân chúng trở thành những con vật siêng năng cần cù, dễ bảo.^[20] Những lời phê bình như vậy hơi quá đáng, vì thực ra Lão tử muốn điều hay cho dân, chứ không muốn điều dở cho dân; muốn cho dân sống yên vui chứ không muốn lợi dụng dân.

Trở về lối sống hồn nhiên nguyên thủy, Lão Trang không cho đó là phục cổ, mà là phục hồi lối sống thiên nhiên của con người.

Phục cổ theo Lão trang có nghĩa là đem áp dụng những chính sách, những lễ nghi, những pháp độ của các vua chúa xưa vào đời sống dân ngày nay. Điều đó Lão cũng như Trang và nhất là Trang không hề cổ súy. Trang thì cho rằng «lễ nghi pháp độ biến thiên theo thời gian» nên người nay không thể theo pháp độ người xưa.^[21]

Chúng ta chỉ có thể nhận xét rằng từ khi Lão tử chủ xướng những quan điểm trên về chính trị đến nay, chưa có một triều đại vua chúa nào ở Trung Hoa dám đem ra mà áp dụng.

Chẳng những vua chúa không theo nổi Lão tử, mà chính ngay khi đạo Lão cực thịnh vào đầu đời Tam Quốc với những nhà lãnh đạo nổi tiếng như Trương Lỗ 張魯, Trương Giác 張角, Trương Bào 張寶, Trương Lương 張梁, Trương Tu 張修, với những vùng đất lớn lao đã được đặt dưới tầm ảnh hưởng như vùng Hán Trung, với một số giáo dân lớn lao, ta thấy các nhà lãnh đạo tinh thần đạo Lão lúc ấy cũng hoàn toàn đi vào hữu vi, hữu tướng với một giáo hội có hệ thống tổ chức, có nhiều loại cán bộ, có binh lực, có lễ nghi, có kinh kệ, có bùa chú, có đóng góp, hội hè, v.v. ^[22]

Xem thế đủ biết, muốn đem nhân loại ra khỏi trào lưu lịch sử thực là một điều không thể làm được.

^[1] Câu: Hư kỳ tâm, thực kỳ phúc 虛其心實其腹 nhiều người thường tách ra, để hướng về phía tu dưỡng. Sách Đông du bát tiên 東遊八仙 viết: «Phép sống lâu chẳng có lạ gì, lòng phải trống mà bụng phải đặc. Chung Ly nguyên soái hỏi: Xin ông cắt nghĩa cho rành. Ông ấy nói: Trong lòng đừng lo việc gì cả, để cho thư thái như không, ấy là trống lòng. Còn đừng theo việc sắc dục, dưỡng tinh thần, nguyên khí chẳng hao, gọi là đặc bụng.» (tr. 27)

^[2] Hoài Nam tử 淮南子 (quyển 1, chương 11b) có một đoạn tương tự: «Thị cổ chí nhân chi trị dã yểm kỳ thông minh, diệt kỳ văn chương, y đạo, phế trí, dự dân đồng xuất vu công chính, ước kỳ sở thủ, quả kỳ sở cầu, khứ kỳ dụ mộ, trừ kỳ thị dục, tồn kỳ tư lự.» 是故至人之治也掩其聰明,滅其文章,依道,廢智,與民同出于公正,約其所守,寡其所求,去其誘慕,除其嗜欲,損其思慮.

^[3] Trước kia tôi dịch mấy câu này theo xu hướng tu dưỡng như sau:

Lối đường hiền thánh khó theo,

Rảnh rang niềm tục, chật chiu niềm trời.

Bỏ ham muốn thanh thoi hồn phách,

Lo tài bồi cốt cách thiện lương.

Lưu Nhất Minh 劉一明 trong Chu Dịch Xiển Chân 周易闡真, chương Văn Vương Hậu Thiên Bát Quái 文王後天八卦, cũng giải như vậy.

[4] Thái Hạo 太昊 = Phục Hi 伏羲. Hoàng 皇 = Bá Hoàng 伯皇. Trung 中 = Trung ương 中央. Đại Đình 大庭, Lật 栗陸, Chúc Dung 祝融, Hiên Viên 軒轅, Ly Súc 驪畜, Thần Nông 神農, Phục Hi 伏羲, Hách Tư 赫胥, Bá Hoàng 伯皇, Trung Ương 中央, Dung Thành 容成.

[5] Nam hoa kinh, chương 10, Khư khiếp 胠篋, đoạn C.

[6] L'homme très peu conscient de lui-même qui ne se dirige pas dans la vie par ses propres initiatives conscientes, le primitif, enfant de la nature, vit en harmonie inconsciente avec les archétypes. Son moi est cependant très réduit, de telle sorte que toute son individualité n'est pas différenciée de la collectivité. Sa responsabilité en est diminuée pour autant. C'est vers cet état, alors que les forces du moi sont très réduites alors que celles de l'inconscient sont très importantes, que tend souvent la nostalgie de l'homme civilisé. Il voudrait se libérer de ses responsabilités et-dit-il, ne plus être obligé de penser. Il voudrait retourner «à la nature» et il imagine une existence paradisiaque dans laquelle il n'a pas mordu encore au fruit amer de la connaissance. — Ernest Aeppli, Psychologie du Conscient et de l'Inconscient, Payot Paris, 1953, p. 60.

[7] Xem Nam hoa kinh, chương IX, C, D.

[8] Đạo Chích: Tên một người ăn trộm nổi tiếng.

[9] Tên một người hiền cuối đời Ân. Bá Di và em là Thúc Tề không thần phục nhà Chu, đã nhịn đói cho đến chết ở núi Thử Dương.

[10] Nam hoa kinh, chương VIII, Biền mẫu 駢拇, C, và D.

[11] Ly Châu 離朱: tên người thợ vẽ đã ngã ra vẽ vẽ, trang hoàng.

[12] Công Thùy 工倕: tên của một người giỏi về lễ nhạc.

[13] Sử 史, Tăng 曾: Sử Thu 史鰌 và Tăng Sâm 曾參, tên hai người giỏi về lễ, nhạc.

[14] Dương: Dương Chu 楊朱, triết gia thời Xuân thu.

[15] Mặc: Mặc Dịch 墨翟, triết gia thời Xuân thu.

[16] Nam hoa kinh, chương X, Khư khiếp, B.

[17] Xem thêm Nam hoa kinh, chương XI, Tại hựu, B.

[18] Cổ chi thiện vi đạo giả, phi dĩ minh dân, tương dĩ ngu chi 古之善為道者非以明民將以愚之.

[19] Dans son application politique, le Taoïsme est donc anti-culturel. Duvendak, Tao To King, Adrien Maisonneuse, 1953, p. 9.

[20] Faites des hommes, des bêtes de travail productives et dociles, veillez à ce que, bien repus, ils ne pensent pas, ne sachant rien, les hommes n'auront pas d'envies, ne coteront pas de surveillance, et rapporteront à l'État. -- Léon Wieger, Les Pères du Système Taoïste, Cathasia, 1950, p. 20, commentaires.

[21] Cf. Nam hoa kinh, chương XIV, Thiên vận 天運, D.

[22] Xem Henri Maspero, Le Taoïsme, Civilisation du Sud S. A. E. P. Paris, 1950, p. 149-184.

CHƯƠNG 4

VÔ NGUYÊN

無源

Hán văn:

道冲而用之或不盈. 淵兮似萬物之宗. 挫其銳, 解其紛, 和其光, 同其塵. 湛兮似或存. 吾不知誰之子. 象帝之先.

Phiên âm:

1. Đạo xung [1] nhi dụng chi hoặc [2] bất doanh. [3]
2. Uyên [4] hê tự vạn vật chi tông. [5]
3. Tỏa [6] kỳ nhuệ, [7] giải kỳ phân, [8] hòa kỳ quang, đồng kỳ trần.
4. Trầm hê [9] tự hoặc tồn. [10]
5. Ngô bất tri thù chi tử. Tượng [11] đế chi tiên. [12]

Dịch xuôi:

1. Đạo rộng không mà dùng không hết.
2. Đạo sâu xa man mác tựa hồ như là tổ tông vạn vật.
3. Làm nhụt bén nhọn, tháo gỡ rối rắm, pha trộn ánh sáng, hòa mình cùng bụi rậm.
4. Trong trẻo thay, tựa hồ trường tồn.
5. Ta không biết Đạo con ai; hình như có trước Thiên đế.

Dịch thơ:

A. Dịch cách thứ nhất:

1. Đạo không hư dùng muôn đời không cạn,
2. Sân ngàn trùng, sinh ngàn vạn chúng sinh.
3. Dấu sâu sắc, gỡ cho hết mối manh,
Pha ánh sáng hòa mình cùng trần cấu.
4. Nhưng trong trẻo, muôn đời không như dấu,
5. Ta chẳng hay, ngài sinh xuất từ đâu,
Trước Thiên đế, (trước muôn ngàn hiện tượng).

B. Dịch cách thứ hai:

1. Đạo với, dùng mãi không với,
2. Thắm sâu, tông tổ muôn loài thụ sinh.
3. Làm tầy mũi nhọn (cho tình),
Gỡ tung rối rắm, (quần sinh hòa hài).
Sáng mình pha sáng muôn loài,
Hòa mình cùng với trần ai mới là.
4. Thế nhưng trong (ngọc) trắng (ngà),
Muôn đời vẫn chẳng chút là hư hao.
5. Con ai ta biết đâu nào,
Trước ngôi Thiên đế, từ bao lâu rồi.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử lại bàn luận về Đạo. Đạo vượt tầm tri thức của ta.

1. Đạo huyền linh cao diệu, tưởng như là hư không, trống rỗng mà dùng chẳng bao giờ với, chẳng bao giờ hết.
2. Đạo sâu man mác, đã sinh xuất ra vũ trụ quần sinh.
3. Chẳng những thế, Đạo lại còn luôn lồng trong vạn hữu (*immanence*). Muốn vậy, Đạo đã dấu hết sắc bén, bỏ mọi phiền tạp, hòa ánh sáng cùng vạn hữu, đồng hóa mình với sự thấp hèn của vạn hữu.
4. Tuy nhiên, Đạo vẫn luôn trong trẻo, vẫn vĩnh viễn trường tồn, tự nhiên tự tại.
5. Không thể biết Đạo đã sinh xuất từ đâu. Có lẽ Đạo có trước Thượng đế.

Vì vậy mà Hà Thượng Công đặt tên chương này là «Vô nguyên» (Không đầu cội).

Lão tử luôn luôn tỏ ra dè dặt khi bàn luận về Đạo. Chương này ngài dùng: hai chữ *tự 似* (tựa hồ); hai chữ *hoặc 或* chỉ nghi ngờ, không quyết đoán); một chữ *bất tri 不知*. Như vậy Lão tử tỏ ra rất khiêm tốn không hề dám quyết đoán gì về Đạo, mà toàn là phỏng đoán.

Chương này chỉ có ý nói: (1) Đạo vô biên tế, vô cùng tận; (2) Đạo là căn nguyên vạn hữu; (3) Đạo hằng lồng trong vạn hữu; (4) Đạo có trước mọi hiện tượng.

Trang tử, nơi chương *Đại tông sư*, có một đoạn bình về Đạo cũng na ná chương này của Lão tử. Đại khái như sau:

*Đạo thời hữu tín, hữu tình,
Vô vi mà lại vô hình mới hay.
Dễ truyền, khó bắt lạ thay,
Giữ thời giữ được, trông rày hăc không.
Tự sinh, tự bản vô cùng,
Có từ trời đất còn không có gì.
Sinh trời, sinh đất ra uy,
Quỉ thần âu cũng là tùy sở do.
Cao cao vô tận khôn dò,
Cao hơn Thái cực vẫn cho là thường.
Thẳm sâu, sâu mấy ngàn muôn,
Sâu hơn vũ trụ, mà nhường không hay.
Lâu lai nào kể tháng ngày,
Trước trời trước đất, lâu này lâu chi.
Sống từ muôn thuở vẫn y,
Ngàn muôn tuổi thọ đã già nua.
Hi Vi, Hoàng Đế, Kiên Ngô,
Kham Phi, Chuyên Húc đã nhờ thần thông.
Đạo trời soi sáng cõi lòng,
Mới thành thần thánh, sống cùng trời mây.*

*Lão Bành, Phó Duyệt nhờ tay,
Ngung Cường, Vương Mẫu may thay được ngài.
Mới nên thần thánh tuyệt vời,
Ngự cung Thiếu Quăng, chơi nơi Ngân Hà.
Biết bao thỏ lặn ác tà,
Hai vầng nhật nguyệt khôn qua Đạo Trời.
Kìa như Bắc đẩu thành thoi,
Cũng nhờ Đạo cả, mới ngôi cửu trùng.
Đạo Trời ngấm thực vô cùng,
Bao nhiêu quyền phép thần thông nhiệm mầu. [13]*

A. Nói rằng Đạo vô biên thể, Đạo là tông tổ vạn hữu thì đó là một chuyện dễ nói, đạo gia nào cũng nói được như vậy. Hoài Nam tử 淮南子 cũng đã viết: «Lúc còn là toàn thể, thời như là thuần phác, lúc đã phát tán, thời y như là đục ngầu; đục rồi dần dần lại trong, vơi rồi dần dần lại đầy, lặn lẽ như vực sâu, phơ phất như mây nổi; tựa như không mà vẫn có, tựa như mất mà vẫn còn, tất cả vạn vật, vạn sự đều phát xuất từ một cửa Đạo.»[14]

B. Còn như nói rằng Đạo lồng trong vạn hữu, thì chỉ những bậc chân sư mới dám nói. Lão tử đã đề xướng chủ trương này nơi chương này. Trang tử cũng đã long trọng chủ trương như vậy trong thiên Tri Bắc du, đoạn F, khi ông đối thoại với Đông Quách tử. Wiegner đã dịch rất thoát ý phần kết đoạn ấy như sau: «Xin đừng hỏi Đạo ở trong đây hay đó. Đạo ở trong lòng vạn vật. Vì thế người ta mới gọi Đạo là lớn, là tuyệt luân, là toàn bích, là phổ quát, là viên mãn. Tất cả những từ ngữ đó đều áp dụng cho một thực thể duy nhất đó là Bản thể vũ trụ.»[15]

Lão tử chủ trương Đạo có trước mọi hiện tượng; nơi chương 25, Đạo đức kinh, ta thấy viết:

*Có một vật an nhiên tự hữu,
Trước đất trời vĩnh cửu, tự thành.
Tịch liêu, vắng ngắt vắng tanh,
Một mình mình biết, một mình mình hay.
Muôn vàn chẳng chút đổi thay,
Đó đây quanh khắp, đó đây chẳng chồn.*

*Sinh muôn vật mẹ muôn thiên hạ,
Tính danh ngài ta há biết sao,
Tên ngài phải gọi thế nào,
Gọi liêu là Đạo, gọi ào là To.
Vì quá to nên xa thăm thẳm,
Thăm thẳm xa mà vẫn gần kề,
Đạo to, to lớn muôn bề..*

Câu «*Tượng Đế chi tiên*» 象帝之先 này đã làm điên đầu các nhà bình giải châu Âu, vì đối với châu Âu Thượng đế là tuyệt đối, là rốt ráo rồi, thì sao lại có thể nói được rằng Đạo có trước Thượng đế. Thực ra vấn đề này cũng dễ bình giải, nếu chúng ta nhận định rằng các nhà huyền học trong đó có Lão tử, đều chấp nhận rằng: Tuyệt đối có hai phương diện:

Vô 無: Tuyệt đối chưa hiển dương; Hữu 有: Tuyệt đối đã hiển dương.

Tuyệt đối chưa hiển dương, Lão tử gọi là Vô 無 hay là Đạo 道. Tuyệt đối đã hiển dương, Lão tử gọi là Hữu 有 hay là Đế 帝. Như vậy nói rằng Đạo có trước Thượng đế thực ra cũng không sai quấy gì. Châu Âu thực ra cũng đã có quan niệm này từ lâu đời.

Xưa Hésiode (thế kỷ 8 trước công nguyên) đã có lần nhắc tới. Đối với Hésiode «*Hồng mông*» không phải là «*hư vô tuyệt đối*» mà là một cái gì vô định và bất khả tư nghị có trước trời đất và thần minh». [\[16\]](#)

Và lại, từ ngữ châu Âu cũng đã có những chữ: *Godhead* và *God*; *Deité* và *Dieu*. Cũng như Bà la môn có chữ: *Brahma* và *Brahman*.

Ramakrishna cũng đã nói: «*Khi ta nghĩ đến thực thể tối cao dưới hình thức thái tĩnh (Nishkriya) ta gọi Ngài là Thượng đế siêu việt tuyệt đối (Shuddha Brahman), còn khi ta nghĩ đến Ngài dưới hình thức hoạt động, tạo dựng, gìn giữ hay hủy hoại, ta gọi Ngài là Shakti hay Thượng đế hữu ngã.*» [\[17\]](#)

Tóm lại, theo tôi, phân tuyệt đối thành Vô 無, Hữu 有, hay Hữu ngã 有我, Vô ngã 無我, chỉ là những phân biệt của gian trần. Sau trước cũng chỉ có một Tuyệt đối. Đó là điều mà tôi đã chủ trương trong tập *Vô cực luận* 無極論.

[\[1\]](#) Xung 冲 : rỗng, trống không. *Hoài Nam tử* 淮南子 (tr. 11b) có câu: Xung nhi từ doanh 冲而徐盈.

- [2] *Hoặc* 或: Duyvendak giải: rỗng nhưng từ từ lại đầy, đổi thành chữ *cửu* 久 .
- [3] *Doanh* 盈: đầy, không hết. (Cao Hanh 高亨 giải)
- [4] *Uyên* 淵: 1. vực; 2. sâu.
- [5] *Tông* 宗: tông tổ; gốc.
- [6] *Tỏa* 挫: bẻ.
- [7] *Nhụê* 銳: nhọn.
- [8] *Phân* 紛: rối rít, rối rắm.
- [9] *Trạm* 湛: 1. sâu; 2. trong.
- [10] *Hoặc tồn* 或存: Duyvendak sửa là *cửu tồn* 久存 (bền vững, lâu dài).
- [11] *Tượng* 象: hình như (Cf. Legge).
- [12] *Đế* 帝: Vương Bật 王弼 giải là *Thiên đế* 天帝. Legge, Wieger đều giải là *Thượng đế* 上帝.
- [13] Cf. Trang Tử *Nam hoa kinh* 莊子南華經, chương 6, Đại tông sư 大宗師, D.
- [14] Cf. *Hoài Nam tử* 淮南子, tr. 11b. Tứ bộ bị yếu 四部備要: «Kỳ toàn dã thuần hề nhược phác, kỳ tán dã hồn hề nhược trọc. Trọc nhi từ thanh, sung nhi từ doanh, đạm hề kỳ nhược thâm uyên, tấn hề kỳ nhược phù vân. Nhược vô nhị hữu, nhược vong nhi tồn. Vạn vật chi tổng giai duyệt nhất khổng, bách sự chi căn giai xuất nhất môn.» 其全也純兮若樸,其散也混兮若濁.濁而徐清,沖而徐盈,澹兮其若深淵,汎兮其若浮雲.若無而有,若亡而存.萬物之總皆閱一孔,百事之根皆出一門.
- [15] «Ne demandez pas si le Principe est dans ceci ou dans cela. Il est dans tous les êtres. C'est pour cela qu'on lui donne les épithètes de Grand, de suprême, d'entier, d'universel, de total. Tous ces termes différents, s'appliquent à une seule et même réalité, à l'unité cosmique.» Cf. Wieger, *Les pères du système Taoïste*, Tchouang Tzeu, chap. 22, F, p. 395.
- Câu «*Tỏa kỳ nhụê, giải kỳ phân, hòa kỳ quang, đồng kỳ trần*» sẽ còn được thấy nơi chương 56, và Duyvendak đem đoạn này xuống nơi chương 56, theo lối Mã Tự Luân và Trần Tử. Nhưng làm như vậy, mặc nhiên đã bỏ đi mất một nhận xét tối ư quan trọng về Đạo, đó là nhận xét: «Đạo chẳng xa lìa vạn hữu.»
- [16] Le mythe à la fois théogonique et cosmogonique à été repris, on le sait, par Hésiode. Le Chaos, répétons-le, n'est pas exactement le néant absolu, c'est quelque chose

d'indéterminé et d'indéfinissable qui précède l'être au monde et des dieux. -- Claude Tresmontant, P. E. D. p. 76.

[17] Quand on pense à l'Être suprême sous son aspect inactif (nishkriya), on le nomme Dieu absolu (Shuddha-Brahman) et quand on le représente sous son aspect actif et créant, soutenant et détruisant, on le nomme Shakti ou divinité personnelle. -- *L'Enseignement de Ramakrishna*, p. 475.

CHƯƠNG 7

THAO QUANG [1]

韜 光

Hán văn:

天長地久. 天地所以能長且久者, 以其不自生, 故能長生. 是以聖人後其身而身先, 外其身而身存. 非以其無私耶? 故能成其私.

Phiên âm:

1. Thiên trường, địa cửu. Thiên địa sở dĩ năng trường thả cửu giả, dĩ kỳ bất tự sinh, cố năng trường sinh.
2. Thệ dĩ thánh nhân, hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn.
3. Phi dĩ kỳ vô tư da? Cố năng thành kỳ tư.

Dịch xuôi:

Trời dài, đất lâu. Trời đất sở dĩ dài lâu chính vì không sống cho mình, vì thế nên trường sinh.

Vì vậy thánh nhân để thân ra sau mà thân ở trước; để thân ra ngoài mà thân còn.

Phải chăng vì không riêng tây, nên vẫn thành được cái riêng tây?

Dịch thơ:

Trời đất bền, không vì mình sống,

Rẻ tấm thân, hiển thánh vinh danh.

*Khinh thân, chẳng xá chi mình,
Vô tư nên mới hoàn thành riêng tư.*

BÌNH GIẢNG

Chương này dạy ta hai bài học trọng đại:

1. **Bắt chước đất trời mà hành sự.**
2. **Sống một cuộc đời vô ngã, vô kỷ, chí công, vô tư.**

1. Lão tử chủ trương: Thánh nhân phải biết noi gương trời đất mà hành sự. Chủ trương này cũng chính là chủ trương của kinh Dịch.

Dịch kinh 易經 viết: «Thiên thủy tượng, hiện cát hung, thánh nhân tượng chi.» 天垂象現吉凶聖人象之 (Trời sinh hiện tượng, cho biết hay dở, thánh nhân trông đó mà bắt chước.) [2]

Nếu chúng ta nhìn vào thiên nhiên, vào vũ trụ để mà tìm ra những bài học luân lý tiềm ẩn trong mọi hiện tượng, thì trời đất đối với ta sẽ trở thành một cuốn sách vĩ đại.

2. Lão tử cũng dạy cho ta bài học «vô ngã, vô kỷ». Lão tử cho rằng trời đất trường cửu chính là vì không có lòng tư tâm, tư kỷ, hằng lòng trong vạn vật chẳng hề lìa xa, [3] sinh dưỡng vạn vật chẳng hề bỏ sót vật nào. [4]

Cũng một lẽ nếu thánh nhân, chỉ lo lợi lộc riêng tư của mình, thì chỉ mua oán chuốc sầu, mà chẳng thành tựu được công trình chi to tát.

Muốn trường cửu, cần phải biết quên mình. Quên mình tức là rũ bỏ hết tiểu kỷ, tiểu ngã, hòa mình với Đại đồng:

Tổng Long Uyên cho rằng: Thánh nhân coi đạo đức là gốc, coi ảo thân là ngọn, không cầu vinh hiển cho mình. [5]

Trang tử viết: Chí nhân vô kỷ 至人無己. [6]

Lại viết: «Chỉ có thể tán tụng bậc chí nhân rằng: Ngài đã hợp nhất với đại đồng, và không còn cái mình nhĩ nhoi nữa.» [7]

Đã không còn cái mình nhỏ nhoi, tức là đã thể hiện được Đại ngã. Thể hiện được Đại ngã tức là nhập Niết bàn, theo từ ngữ Phật giáo. [8]

Thánh nhân vì không còn lòng tư kỷ, nên lấy lòng người làm lòng mình, không còn

tranh chấp. Chính vì thế mà tồn tại cùng với thời gian, chính vì thế mà những cái gì riêng tư của mình cũng chẳng mất.

Lưu Tư 劉思, tác giả quyển *Bạch thoại dịch giải Lão tử* kể một truyện rất dí dỏm sau đây để giải thích câu «Phi dĩ kỳ vô tư da, cố năng thành kỳ tư» 非以其無私耶? 故能成其私: Công Nghi Hựu làm tướng nước Lỗ, tính rất thích cá. Cả nước dâng cá. Công Nghi không nhận. Đệ tử trách: “Thầy thích cá, mà không nhận cá, vì sao?” - Công Nghi nói: “Chính vì thích cá, mà không nhận cá. Nếu nhận cá sẽ mất chức tướng quốc, dẫu thích cá, cũng không thể cung cấp cá cho mình. Không nhận cá, thì còn chức tướng quốc, vì thế nên vẫn có cá ăn lâu dài...” [\[9\]](#)

Đạo Đức kinh, chương 66, cũng viết:

«Sông biển kia có sao mà trọng,

Nước muôn khe thao túng vì đâu?

Biển sông vì thấp vì sâu,

Cho nên mới được đứng đầu muôn khe.

Muốn cao cả, ngôi che nhân thế,

Phải hạ mình, nhỏ nhẹ khiêm cung.

Cầm đầu phải ẩn sau lưng,

Mình sau, người trước chớ dùng kiêu căng.

Cho nên những nhân quân thánh đế,

Ở trên dân, dân nhẹ như không.

Trước dân, dân vẫn nức lòng,

(Người tung kẻ húng, như rồng gặp mây).

Dạ vốn chẳng toan bài tranh chấp,

Thế cho nên chẳng gặp đấu tranh.»

[1] *Thao quang* 韜光: che giấu bớt ánh sáng.

[2] *Hệ từ thượng*, chương 11.

[3] Thể vạn vật nhi bất khả di 體萬物而不可遺. *Đạo đức kinh giảng nghĩa* 道德經講義, tr. 10b.

[4] Sinh vạn vật nhi bất quý 生萬物而不貴. *ib.* 10b.

[5] Dĩ đạo đức vi bản, dĩ ảo [huyễn] thân vi mạt, bất cầu vinh hiển ư nhất thân 以道德為本, 以幻身為末, 不求榮顯於一身 (*Đạo đức kinh giảng nghĩa*, tr. 10)

[6] *Nam hoa kinh*, I, Tề vật luận, C.

[7] Luận tụng hình khu, hợp hồ Đại đồng. Đại đồng nhi vô kỷ. 論頌形軀, 合乎大同. 大同而無己. Cf. Wieger, *Les pères du système Taoïste*, Tchoang Tzeu, chap. 11, E. p. 291-293.

[8] Hữu đại ngã cố, danh đại Niết bàn. 有大我故名大涅槃 «*Niết bàn kinh*».

[9] Lưu Tư, *Bạch thoại dịch giải Lão tử*, tr. 16.

CHƯƠNG 8

DỊ TÍNH [1]

易性

Hán văn:

上善若水. 水善利萬物而不爭, 居眾人之所惡, 故几於道. 居善地, 心善淵, 與善仁, 言善信, 政善治, 事善能, 動善時. 夫唯不爭, 故無尤.

Phiên âm:

Thượng thiện nhược thủy.

Thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh, xử chúng nhân chi sở ố, cố cơ [2] ư Đạo.

Cư thiện [3] địa, tâm thiện uyên, dĩ [4] thiện nhân, ngôn thiện tín, chính thiện trị, sự thiện năng, động thiện thời.

Phù duy bất tranh, cố vô vu. [5]

Dịch xuôi:

Bạc trộn lành giống như nước.

Nước khéo làm ích cho muôn loài mà không tranh giành, ở chỗ mọi người đều ghét, cho nên gần Đạo.

Ở thì lựa nơi chốn; tâm hồn thời thâm trầm sâu sắc; giao tiếp với người một mực nhân ái; nói năng thành tín; làm chính thời trị bình; làm việc thời có khả năng; hoạt động cư xử hợp thời.

Chính vì không tranh, nên không ai chê trách oán thán.

Dịch thơ:

- 1. Người trộn hảo giống in làn nước,*
- 2. Nuôi muôn loài chẳng chút cạnh tranh.*
Ở nơi nhân thế rẻ khinh,
Nên cùng Đạo cả mặc tình thanh thơi.
- 3. Người trộn hảo, chọn nơi ăn ở,*
Lòng trong veo, cố giữ đức nhân.
Những là thành tín nói năng,
Ra tài bình trị chúng dân trong ngoài.
Mọi công việc an bài khéo léo,
Lại hành vi mềm dẻo hợp thời.
- 4. Vì không tranh chấp với ai,*
Một đời thanh thản, ai người trách ta.

BÌNH GIẢNG

Có nhiều cách bình giảng chương này:

- a. Vương Bật, Hà Thượng công, Tống Long Uyên toàn đề cập các đức tính của nước.
- b. James Legge và Duyvendak cho rằng chương này nói về sự trộn hảo.

c. Có nhiều tác giả khác như Nghiêm Toản, Nguyễn Duy Cần áp dụng chương này vào «bạc trợn hảo», vào thánh nhân. Tôi cũng chủ trương như vậy.

Ở chương này, Lão tử khuyên các bậc thánh nhân phải bắt chước nước. Nước bao giờ cũng chảy chỗ trũng, chỗ thấp, làm ơn ích cho muôn loài muôn vật.

Bậc thánh nhân cũng phải như vậy: phải sống cuộc đời khiêm cung, từ tốn, quên mình vì người, không tự cao tự đại có như thế mới gần Đạo gần Trời. [6]

Ngoài ra thánh nhân phải:

(1) Chọn nơi ăn chốn ở, vì chỗ ăn ở ảnh hưởng rất nhiều đến toàn thể con người. (2) Phải sống thâm trầm, không phù phiếm, xốc nổi.

Tham Đồng Khế 參同契 của Ngụy Bá Dương 魏伯陽 có câu: «*Chân nhân tiềm thâm uyên, phù du thủ qui trung.*» 真人潛深淵,浮游守規中 và giải rằng đó là luôn giữ được Nguyên thần ở Nê hoàn. [7]

3. Giao tiếp với người bằng một lòng nhân ái.

4. Nói lời thành tín.

5. Nếu cầm quyền chính, sẽ đem bình trị lại cho thiên hạ.

6. Khi làm công việc, tỏ ra có khả năng.

7. Hoạt động uyển chuyển theo thời. Chẳng những thế thánh nhân sẽ không tranh chấp với ai.

Cát Trường Canh toát lược chương này như sau: «Nước bỏ chỗ cao, mà chảy xuống chỗ thấp – ngày đêm, nước làm việc chẳng ngừng. Trên trời, nước làm mưa, làm sương. Dưới đất, nước sinh sông, sinh lạch. Đâu đâu nước cũng thấm nhuần, tắm gội. Nước làm ích cho mọi loài. Nước luôn tuân phục, không kháng cự. Đắp đê ngăn thời nước ngừng; mở cửa cống cho thoát thời nước chảy. Nước cũng đổi hình thù vuông tròn tùy theo bình chứa. Con người thường có khuynh hướng khác hẳn. Con người luôn ưa lợi lộc, luôn luôn vị kỷ. Vì thế con người phải bắt chước làm nước. Kẻ nào hạ mình để phục vụ người, sẽ được mọi người thương mến, và không bị ai chống đối.» [8]

[1] *Dị tính* 易性: sống giản dị, theo tính tự nhiên.

[2] *Cơ* 幾: gần.

[3] *Thiện* 善: (a) ưa thích, chịu. (b) nên, tốt,... mới tốt. (Ví dụ: Tâm phải sâu xa mới tốt. Lời nói phải chín thành mới tốt.)

Duyvendak theo James Legge, dịch câu này như sau:

On considère:

- *bon pour la demeure, le lieu (favorable)*
- *bonne pour le cœur, la profondeur,*
- *bonne pour les rapports sociaux, l'humanité*
- *bonne pour la parole, la bonne foi*
- *bon pour le gouvernement, l'ordre*
- *bonne pour le service, la capacité*
- *bon pour l'action, de saisir le moment favorable*

Duyvendak, *Tao Te King*, p. 19.

[4] *Dữ* 與: sự giao tiếp.

[5] *Vưu* 尤: lỗi lầm oán trách.

[6] Thánh nhân dĩ khiêm thoái tự xử, dĩ ti hạ tự an, ninh khúc kỷ dĩ toàn nhân, bất hiếu cao nhi tự đại. 聖人以謙退自處, 以卑下自安, 寧曲己以全人, 不好高而自大. Tống Long Uyên, *Đạo đức kinh giảng nghĩa*, tr. 11.

[7] Chân nhân tiềm thâm uyên, phù du thủ qui trung... Tùy chân tức chi vãng lai, nhiệm chân tức chi thăng giáng, tự triêu chí mộ, nguyên thần thường thê ư nê hoàn... 真人潛深淵, 浮游守規中... 隨真息之往來, 任真息之升降, 自朝至暮, 元神常棲於泥丸... Phục mệnh thiên vân: «Hội hướng ngã gia viên lý, tài bồi nhất mẫu thiên điền. 復命篇云: 會向我家園裏, 栽培一畝天田. Thiên điền 天田 là thiên tâm 天心, thiên cốc 天谷, nê hoàn 泥丸) *Chu dịch tham đồng khế phát huy* 周易參同契發輝, quyển trung, tr. 18b.

[8] Xem Léon Wieger, *Les Pères du Sytème Taoïste*, p. 25.

CHƯƠNG 9

VẬN DI [1]

運夷

Hán văn:

持而盈之,不如其已.揣而銳之,不可長保.金玉滿堂,莫之能守.富貴而驕,自遺其咎.功成名遂,身退,天之道.

Phiên âm:

1. Trì [2] nhi doanh [3] chi bất như kỳ dĩ.[4]
2. Sủy [5] nhi nhuệ [6] chi bất khả trường bảo.
3. Kim ngọc mãn đường, mạc chi năng thủ.
4. Phú quý nhi kiêu, tự di [7] kỳ cữu.[8]
5. Công thành, danh toại, thân thoái,[9] thiên chi đạo.

Dịch xuôi:

1. Giữ mà làm cho đầy mãi, không bằng dừng lại.
2. Mài cho nhọn, cho sắc không giữ được lâu.
3. Vàng ngọc đầy nhà, chẳng thể giữ được.
4. Giàu sang mà kiêu căng, sẽ tự vùi tai họa.
5. Thành công, thành danh rồi thời nên lui thân, ấy là đạo Trời.

Dịch thơ:

1. Bình nước đầy giữ sao khỏi đổ,
Đổ chi đầy quá cỡ chứa chan?
2. Ra công mài nhọn dao oan,
Giữ sao cho được vẹn toàn trước sau?
3. Đầy vàng ngọc nhà nào bền bỉ,
4. Quá giàu sang chắc sẽ kiêu sa,
Suy vong do đó sinh ra,
5. Nên giờ vinh hiển là giờ thoái lui.
Công thành thân thoái lẽ Trời.

BÌNH GIẢNG

Chương này bàn về sự thăng trầm của cuộc đời.

Léon Wiegier bình chương này như sau: «Một bình nước đầy, hơi đựng tới sẽ tràn, hoặc sẽ hao dần vì bốc hơi. Một lưỡi nhọn quá nhọn, sẽ bị khí trời làm giảm sức bén. Một kho

tàng trước sau sẽ bị cướp bóc, bị tịch thu. Mặt trời lên đến đỉnh sẽ xế; trăng mà tròn thời sẽ khuyết. Một bánh xe quay tới điểm cao nhất sẽ lộn xuống. Ai mà hiểu định luật phổ quát và bất biến này của trời đất là hết doanh sẽ đến hư, khi thấy công danh của mình đã lên tới cực điểm rồi, thì phải liệu bề rút lui. Làm vậy không phải vì sợ nhục sau này, mà chính là để bảo thân, để theo đúng đường lối của số mệnh. Một nhà bình giải cho rằng: khi giờ đã điểm, thánh nhân sẽ tháo cũi, sổ lồng, để sống ngoài vòng cương tỏa. Như kinh Dịch đã nói, lúc ấy thánh nhân không còn phục vụ vua chúa nữa, vì tâm trí ngài đã ở trên một bình diện cao hơn. [\[10\]](#) Nhiều đạo gia xưa nay đã theo đường lối này và đã qui ẩn lúc đang thời thịnh mãn. [\[11\]](#)

Con người cần phải biết định luật doanh hư, tiêu trưởng của trời đất, mới bảo tồn được tấm thân. Đó chính cũng là chủ trương của Dịch, và của Khổng giáo.

Kinh Dịch nơi Thoán truyện quẻ Phong 豐 viết:

*«Vùng dương cao sẽ xế ngang,
Trăng tròn rồi sẽ chuyển sang hao gầy.
Đất trời lúc rỗng, lúc đầy,
Thăng trầm, tăng giảm đổi thay theo thời.
Đất trời còn thế nửa người,
Quỉ thần âu cũng một bài thịnh suy.»* [\[12\]](#)

Trong quyển *Khổng tử thánh tích* đồ có kể: «Trong miếu thờ Lỗ Hoàn công có treo một bình gọi là *y khí*. Để không thì nghiêng; đổ nước vào lưng chừng thời ngay ngắn, đổ nước đầy đến miệng thì lập úp xấp lại. Vua chúa treo để tự răn. Đức Khổng bảo môn đệ đổ nước thí nghiệm, thấy đúng như vậy. Ngài dạy các môn đệ rằng: Muốn trì mãn (giữ sự sung mãn) phải hết sức khiêm cung.» [\[13\]](#)

Thoán truyện quẻ Khiêm 謙 cũng viết:

*«Trời làm voi chốn dồi dào,
Mà thêm vào những chỗ nào khiêm cung.
Đất soi mòn bớt cao phong,
Mà cho lòng biển, lòng sông thêm dày.
Quỉ thần hại kẻ no đầy,
Mà đem phúc lại cho người khiêm cung.*

*Người thường ghét kẻ thừa dùng,
Còn người khiêm tốn thật lòng thời ưa.
Trên khiêm thời sáng mãi ra,
Dưới khiêm ai kẻ hơn ta được nào?
Khiêm cung giữ vẹn trước sau,
Rời ra quân tử gót đầu hanh thông.» [14]*

Rút lui đúng lúc đúng thời, kinh Dịch gọi thể là:

- *Hiếu độ* 好遯 (rút lui mà vui thích); [15]
- *Gia độ* 嘉遯 (rút lui một cách đẹp đẽ); [16]
- *Phì độ* 肥遯 (rút lui mà lòng khoan khoái). [17]

Ta có thể tóm tắt tư tưởng của Lão, của kinh Dịch về sự cần phải rút lui khi đã thành công như sau:

*- Bận rộn mà chỉ lúc rút lui,
Tư tĩnh, quân tử rũ xong rồi,
Thênh thang nhẹ gót đường bôn tẩu,
Tiểu nhân tình lụy, khó êm xuôi.
(phóng tác hào cửu tứ quẻ Độn)*

*- Rút lui đẹp đẽ mới là lui,
Phải thời, mọi chuyện sẽ êm xuôi,
Mình mạnh, mình lui người mới phục,
Lui cho lý tưởng khởi pha phôi.
(phóng tác hào cửu ngũ quẻ Độn)*

*- Rút lui hơn hờ mới là hay,
Về với điền viên, với cỏ cây,
Bỏ chuyện công danh vui đạo lý,
«Công thành thân thoái» lẽ xưa nay.
(phóng tác hào thượng cửu quẻ Độn) [18]*

[1] *Vận di* 運夷: có thể là «bị hại vì vận mệnh».

- [2] Trì 持: cầm.
- [3] Doanh 盈: đầy.
- [4] Dĩ 已: thôi.
- [5] Sủy 揣: mài nhọn.
- [6] Nhuệ 銳: làm cho sắc bén.
- [7] Di 遺: để lại.
- [8] Cửu 咎: lỗi.
- [9] Công thành, doanh toại, thân thoái: Có nhiều sách chỉ chép có công toại, thân thoái.
- [10] Xem quẻ Cổ 蠱, hào thượng cửu: «Bất sự vương hầu, cao thượng kỳ sự.» 不事王侯高尚其事.
- [11] Xem Wieger, *Les Pères du Système Taoïste*, tr. 25 - 26.
- [12] Xem Dịch kinh, quẻ Phong 豐, Thoán truyện: Nhật trung tắc trắc, nguyệt doanh tắc thực; thiên địa doanh hư, dĩ thời tiêu tức, nhi hướng ư nhân hồ? Hướng ư quỷ thần hồ? 日中則昃月盈則食;天地盈虛與時消息而況於人乎?況於鬼神乎 Xem Nguyễn Văn Thọ, *Chân dung Khổng Tử*, tr. 209.
- [13] Xem *Khổng tử thánh tích đồ*, tr. 62 - 63. -- Xem Nguyễn Văn Thọ, *Chân dung Khổng tử*, tr. 210.
- [14] Xem kinh Dịch, quẻ Khiêm 謙, Thoán truyện: Thiên đạo khuy doanh nhi ích khiêm, địa đạo biến doanh nhi lưu khiêm, quỷ thần hại doanh nhi phúc khiêm, nhân đạo ố doanh nhi háo khiêm. Khiêm tôn nhi quang, ti nhi bất khả du: Quân tử chi chung dã. 天道虧盈而益謙,地道變盈而流謙,鬼神害盈而福謙,人道惡盈而好謙.謙尊而光,卑而不可踰:君子之終也. Xem *Chân dung Khổng tử*, tr. 210-211.
- [15] Xem Kinh Dịch quẻ Độn 遁, hào cửu tứ: Hiếu độn, quân tử cát, tiểu nhân phủ. 好遁君子吉小人否.
- [16] Xem Kinh Dịch quẻ Độn 遁, hào cửu ngũ: Gia độn, trinh cát. 遁嘉遁貞吉.
- [17] Xem Kinh Dịch, quẻ Độn 遁, hào thượng cửu: Phì độn, vô bất lợi. 遁肥遁無不利.
- [18] Xem Kinh Dịch, dịch thơ và bình giảng của Nguyễn Văn Thọ, nơi quẻ Độn 遁.

CHƯƠNG 10

NĂNG VI

能為

Hán văn:

載營魄抱一能無離乎?專氣致柔,能如嬰兒乎?滌除玄覽,能無疵乎?愛民治國,能無為乎?天門開闔,能無雌乎?明白四達,能無知乎?生而畜之,生而不有,為而不恃,長而不宰,是謂玄德.

Phiên âm:

1. Tải doanh phách[1] bảo nhất[2] năng vô ly hồ?
2. Chuyên khí trí nhu,[3] năng anh nhi[4] hồ?
3. Dịch [5] trừ [6] huyền lẫm,[7] năng vô tì hồ? [8]
4. Ái dân trị quốc năng vô vi hồ? [9]
5. Thiên môn khai hạp, năng vô thư hồ? [10]
6. Minh bạch tứ đạt năng vô tri hồ? [11]
7. Sinh nhi súc chi, sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, trưởng chi bất tể, thị vị huyền đức.[12]

Dịch xuôi:

Năng vi (Làm được không?)

1. Có thể đem hồn phách ôm ấp lấy Đạo, không lìa xa chăng?
2. Có thể giữ cho nguyên khí không tán loạn, giữ vẹn thiên chân, hoàn toàn theo được đạo Trời, (định luật trời đất) như anh nhi chăng?
3. Có thể tẩy trừ được (trần cấu), giữ được cho gương lòng trong sáng không tì vết chăng?
4. Có thể yêu dân trị nước, mà vẫn vô vi chăng?
5. Cơ trời mở đóng, có thể thuận ứng như con mái chăng?
6. Có thể sáng suốt mà như người vô tri chăng?
7. Sinh dưỡng vạn vật; sống mà vẫn như không có; làm mà không cậy công; khiến cho lớn mà không đòi làm chủ, thế là đức sâu xa vậy.

Dịch thơ:

1. Làm sao đem hết xác hồn,
Hòa mình với Đạo chẳng còn lìa xa.

2. Làm sao giữ vẹn tinh hoa,
Sống đời thanh thản, như là Anh Nhi!

3. Làm sao rũ sạch hà tì,
Gương lòng vắng vặc, quang huy vẹn tuyền!

4. Thương dân trị nước cho yên,
Vô vi mà vẫn ấm êm mới là!

5. Cửa trời mở đóng lại qua,
Thuận theo, chẳng dám phôi pha mệnh trời!

6. Muốn điều thông suốt khúc nhô,
Ở sao vẫn tựa như người vô tri!

7. (Những người đức hạnh huyền vi,
Dưỡng sinh muôn vật chẳng hề tâng công,
Sống đời vẫn tựa như không,
Cần cù lao tác, chẳng mong đáp đền.
Giúp dân, nhưng chẳng tranh quyền,
Ấy là đức hạnh nhiệm huyền, siêu vi.

BÌNH GIẢNG

Chương này, theo James Legge, là một chương tối nghĩa nhất của sách. Vì thế ta thấy các nhà bình giải chương này theo nhiều trình độ cao thấp khác nhau.

Trước khi đi vào chi tiết, ta hãy tóm tắt đại ý của chương. Chương này nói lên những nguyện vọng chính yếu của Lão tử.

1. Làm sao sống kết hợp với trời, với Đạo (ba câu đầu).
2. Làm sao thương dân, trị dân mà không làm những loạn dân (câu 4).
3. Làm sao sống thuận mệnh trời (câu 5).
4. Làm sao thông minh duệ trí, mà không phô trương (câu 6).
5. Làm sao làm ơn ích cho muôn loài, mà không tự thị (câu 7).

1. Làm sao sống kết hợp với Trời, với Đạo

a. Tài doanh phách, bảo nhất:

- Lão tử cho rằng muốn sống kết hợp với Trời với Đạo, thời phải dùng hết hồn, xác mình, hết khả năng mình.

Đạo Lão gọi thế là:

- Thủ Trung 守中, Bao Nhất 抱一
- Bao Nguyên 抱元, Thủ Nhất 守一
- Kiến tố 見素, Bao phác 抱樸
- Đắc Nhất 得一, Đắc Đạo 得道

Thượng phẩm đơn pháp cũng có đề cập đến «bao nguyên, thủ nhất» và giải Nguyên là «Nguyên thủy tế khí»; Nhất là «Bản lai nguyên tính».

Lão tử đề cập đến:

- «Thủ trung» ở chương 5.
- «Bao nhất» ở chương này.
- Và «Đắc nhất» ở chương 39.

Hà Thượng Công cho rằng nếu con người ôm ấp được Trời, được Nhất, khiến không lìa xa thân mình, sẽ được trường tồn; và sau đó ông cũng đề cập đến chương nói về Đắc Nhất của Lão tử. Sống kết hợp với Trời, với Đạo là lý tưởng của mọi đạo giáo.

Lão tử nói: «Tải doanh phách bao nhất năng vô ly hồ.» thì Chúa Jesus cũng nói: «Người phải mến Chúa, là Chúa Trời người, hết lòng, hết linh hồn, hết sức, hết trí người.» (Luc, 10-26).

Theo từ ngữ của huyền học, thì Bao Nhất, Đắc Nhất, chính là tìm ra được Trung điểm tâm hồn, đáy thẳm tầng sâu tâm hồn, nơi phát xuất tung tỏa ra mọi quan năng. Đó tức là tìm ra được vô cùng lồng trong vạn hữu, vĩnh cửu lồng trong tạm bợ, biến thiên. [\[13\]](#)

Trong quyển *Yoga và Thiền học* của Nguyễn Duy Hình, nơi trang 55, ta thấy một đoạn rất lý thú như sau:

*«Người tu được Một mới là linh,
Một ấy gắng tìm ở giữa mình.
Lặng lẽ tịch ngời, gom tứ tố,
Im lìm ngưng ngó, hiệp tam tinh.
Đem thần về cội, tâm vô động,*

Dẫn khí qui nguyên, khí phải bình.

Nhất khiếu huyền linh, thông vạn pháp.

Thiên kinh, vạn quyển nhất thời minh.

«Một là gì? Tức là Chân Như, Chân thần, Chân nhân, Chân tâm, là Đạo, Niết Bàn, là Chân lý v. v...

Một ấy, bạn khỏi tìm đâu xa. Hãy tìm ngay trong cái Tâm thanh tịnh, sáng suốt của mình. Tứ tổ là tứ đại, tức là tất cả các giác quan gom về một mối.

Khi tinh, khí, thần hiệp làm một, tất nhiên cái tâm phát sinh diệu dụng, sáng suốt tỏ tường, soi thấu mọi sự vật.

Bởi trong cái tâm thanh tịnh và sáng suốt ấy gom chứa và thông suốt tất cả, cho nên nói là «Thiên kinh vạn quyển nhất thời minh». Tất cả các kinh sách đều do một cái chân tâm mà có, tuy bày ra muôn ngàn lời lẽ, gương tích, nhưng cũng đồng một chân lý.»

Tam Mao Chân Quân 三茅真君 có thơ:

Linh đài trạm trạm tựa băng hồ

靈臺湛湛似冰壺

Chỉ hứa nguyên thần lý diện cư

只許元神裏面居

Nhược hướng thủ trung lưu nhất vật

若向此中留一物

Khởi năng chứng Đạo hợp hư vô. [\[14\]](#)

起能証道合虛無

Tạm dịch:

Tâm linh man mác tựa băng hồ,

Nơi ấy Nguyên thần độc nhất cư,

Nếu để vật chi vương vấn đó,

Làm sao chứng Đạo, hợp Hư vô.

Khẩu quyết «*Tải doanh pháp bảo nhất*» cũng giúp chúng ta hiểu các khẩu quyết tương tự khác như:

- Toàn thốc ngũ hành 攢簇五行

- Tam hoa qui đỉnh 三 花 歸 頂
- Ngũ khí triều nguyên 五 氣 朝 元
- Tứ tổ qui gia 四 祖 歸 家
- Tính 性, tình 情, hồn 魂, phách 魄, ý 意, qui trung 歸 中, v. v... của Đạo Lão.

b. Chuyên khí trí nhu, năng anh nhi hồ.

«Chuyên khí trí nhu» tức là giữ sao cho vẹn thiên chân, thiên tính, không để cho nó hao tán, và để cho nó được tới chỗ nhu hòa tột mức. (Lưu Tu)

Hà Thượng Công cũng cho rằng «chuyên khí» là giữ cho tinh khí không tán loạn.

Tống Long Uyên cho rằng «chuyên khí chí nhu» là trạng thái vô tư, vô lự, vô tri, vô dục, khi mọi vọng niệm đã tiêu tan. [15]

«Anh nhi» thường được hiểu là anh hài, là trẻ sơ sinh.

Nhưng kết quả của công phu tu luyện không phải là trở về trạng thái trẻ sơ sinh, mà chính là trở thành «thần minh».

Vì tu tiên đạo đức là phải đi hết con đường nhân đạo, rồi mới lên tới tiên đạo, [16] mới có thể thông linh đạt biến, [17] tâm tĩnh, khí định, sống một cuộc đời tiêu sái, hồn nhiên.

Thượng phẩm đan pháp cho rằng: Anh nhi tức là Thiên chân ngưng kết, chứ không còn phải là phàm tinh, phàm khí, phàm thần, ẩn hiện tùy tâm, có thể xuyên qua vàng, qua sắt, mà không hề để lại vết tích gì. [18]

Thế tức là «Tiên thiên chân thể» đã hiển lộ, [19] «phàm tâm đã sạch», «chân tính» đã được phát huy. [20]

Lúc ấy con người sẽ sống hoàn toàn tự nhiên, tự tại, sáng khoái, thần tiên. Thế gọi là «sống chí thành bất chước tự nhiên». [21]

Nhập được kính 入 藥 鏡 của Thôi Hi Phạm 崔 希 范 có thơ rằng:

Đại đạo hư vô pháp tự nhiên

大道虛無法自然

Tự nhiên chi ngoại cánh vô huyền

自然之外更無玄

Trí nhu, chuyên khí, anh nhi dạng

致柔專氣嬰兒樣

Cơ tức cầu san, khốn tức miên. [\[22\]](#)

飢即求餐 困即眠

Tạm dịch:

Hư vô, đạo phỏng tự nhiên,

Ngoài ra, nào có phép huyền nào đâu?

Sống đời thanh thản, tiêu dao,

Đói ăn mệt ngủ, khác nào anh nhi.

c. Định trừ huyền lã, năng vô tì hồ.

Tống Long Uyên cho rằng «huyền lã» là kiến thức, kiến văn.

Khi chưa đắc đạo thì tạm dùng nó, như là thuyền bè để qua sông. Khi đã đắc đạo, thời phải rũ bỏ kiến thức gian trần cho tâm hồn được thanh thoi, y như khi đã hết bệnh thời thôi dùng thuốc. [\[23\]](#)

Hà Thượng Công cho rằng «huyền lã» là nhìn thấu u huyền và giải rằng khi đã tẩy rửa cho tâm hồn trở nên thanh khiết, thì tâm hồn sẽ thấu suốt vạn sự, vạn duyên, sẽ nhìn thấu u huyền. [\[24\]](#)

Trương Mặc lại cho rằng gột rửa trừ bỏ những bụi bặm xấu dơ bám vào tấm gương siêu hình «huyền lã» khiến cho nó trở nên trong suốt sáng ngời không chút bợn nhơ, vẫn đục. [\[25\]](#)

Nếu ta chấp nhận chủ trương của Trương Mặc, thì câu này cũng giống như câu kệ của Thần Tú:

Thân thị bồ đề thụ

身是菩提樹

Tâm như minh kính đài

心如明鏡臺

Thời thời cần phát thức

時時勤拂拭

Mạc sử nhạ trần ai

莫使惹塵埃

«Thân như cây bồ đề,

*Tâm như đài gương tỏ,
Thường khi lo phủ chùi,
Đừng để đóng bụi nhỏ.»*

Nhiều nhà bình giải cho rằng chương này dạy về phép vệ sinh, cốt sao cho «linh, nhục điều hòa». [\[26\]](#)

Thiết tưởng giải như vậy, mặc nhiên đã hạ Lão tử xuống một trình độ rất thấp.

Riêng tôi, tôi cho rằng chương này đã cho ta những tôn chỉ, những phương pháp để đạt tới Thái cực, tới Tuyệt đối, thực hiện được Thiên chân, Thiên thể.

Muốn vậy phải giữ cho tâm thần được nguyên tuyền, thanh sáng, thần thanh, trí định, tâm bình, khí hòa, phải hết lòng hết sức ao ước kết hợp với Thiên lý, Thiên chân... [\[27\]](#)

2. Làm sao trị dân trị nước mà vẫn vô vi

Lão tử chủ trương không dùng lối hữu vi, hữu dục mà lũng đoạn đời sống tự nhiên của dân. Thương dân chính là để cho dân thuận sinh, thuận hóa.

Cai trị bằng lối vô vi, thương dân mà dân không biết, trị dân mà dân không hay, như vậy mới cao siêu.

3. Làm sao sống thuận mệnh Trời

Muốn sống thuận mệnh trời, phải biết theo đường lối nhu thuận, không bao giờ được gàng quai sự biến hóa của trời đất. Đó là theo đường lối Âm nhu, thuận ứng, mà Dịch đã đề cập trong quẻ Khôn.

Muốn vậy phải sống theo «thiên thời, địa lợi, nhân hòa» và nhất là phải biết sống thuận theo tuổi tác mình.

Khi còn trẻ, phải thuận theo lẽ trời mà hướng ngoại để góp phần xây dựng gia đình, quốc gia, xã hội.

Khi đã đứng tuổi, phải biết hướng nội, tu tâm, tu tính, mong có ngày qui nguyên, phản bản.

*Gãm đạo lý có sau, có trước,
Lẽ Âm dương có ngược, có xuôi.
Ngược là gió cuốn bụi đời,
Đẩy đưa vào chốn trần ai, cát lăm.
Có thử thách mới phân vàng đá,*

*Có lắm than mới rõ chuyện đời.
Khi xuôi, sấm chớp tới bờ,
Tầng sâu bày giải căn trời nội tâm.
Trông tỏ đức chí nhân, chí chính,
Biết mục phiêu sẽ định, sẽ an,
Rồi ra suy xét nguồn cơn,
Con đường phối mệnh chu toàn tóc tơ.* [\[28\]](#)

Sự thuận thảo cao siêu nhất là sống hoàn toàn thuận theo Thiên chân, Thiên lý tiềm ẩn trong lòng mình.

Các nhà huyền học đều cho rằng nhu thuận, tự nhiên là điều kiện để tiếp xúc với Chân ngã.

Họa sĩ Raphael bảo họa sĩ Léonard de Vinci: «Tôi nhận thấy rằng khi vẽ, mình không được nghĩ gì; lúc đó sẽ vẽ đẹp hơn.»

Tiểu ngã như vậy cần phải nhận định được sự thiếu sót, bất toàn của mình, và cần phải thuận theo thiên chân, thiên tính, hoạt động trong tầng sâu tâm hồn mình. [\[29\]](#)

Thế là thuận phục để thần thánh hóa mình. [\[30\]](#)

4. Làm sao thông minh, duệ trí mà không phô trương

Đạo vốn quang minh, nên đạt đạo sẽ trở nên thông minh, duệ trí.

Trung Dung viết:

*«Vốn hoàn thiện, quang hoa mọi lẽ,
Ấy tính trời muôn vẻ tinh anh,
Quang minh rồi mới tinh thành,
Ấy nhờ giáo hóa, tập thành mà nên.
Đã hoàn thiện, tất nhiên thông tuệ,
Thông tuệ rồi ắt sẽ tinh thành.»* [\[31\]](#)

Thế nhưng, cần phải biết che dấu bớt sự thông tuệ của mình đi, như vậy mới an thân.

Đạo Lão gọi thế là: «Hàm chương» [\[32\]](#) và «Dụng hối nhi minh». [\[33\]](#)

5. Làm sao ơn ích cho muôn loài mà không tự thị

Trời đất làm ơn, ích cho muôn loài mà chẳng bao giờ tự cao, tự đại, tự tôn, tự thị.

Thánh nhân suốt đời làm ơn ích cho muôn loài, mà chẳng bao giờ khoe công, như vậy mới gọi là «Huyền đức».

Huyền đức là đức hạnh huyền vi, cao diệu.

[1] Doanh phách 營魄: Hồn phách (doanh 營: hồn). Wieger lại giải *doanh* là xác.

[2] Bao nhất 抱一: ôm ấp Đạo.

[3] Chuyên khí trí nhu 專氣致柔: giữ vẹn sinh khí, cho đến chỗ hoàn toàn nhu thuận.

[4] Anh nhi 嬰兒: a) trẻ thơ; b) hóa nhi, chân nhân.

[5] Dịch 滌: rửa.

[6] Trừ 除: bỏ đi.

[7] Huyền lãm 玄覽: gương siêu hình (Trương Mặc); sự hiểu biết sâu xa huyền diệu (Hà Thượng Công); xem nhiều, biết nhiều (kiến thức) (Tống Long Uyên)

[8] Tì 疵: tì vết.

[9] Vô vi 無為: có sách viết là vô tri.

[10] Vô thư 無雌: thư 雌: con mái. Tống Long Uyên viết là vi thư 為雌.

[11] Vô tri 無知: có sách viết là vô vi 無為.

[12] Huyền đức 玄德: đức sâu xa nhiệm mầu.

[13] «There is a root or depth in thee», says Law, «from whence all these faculties come forth as lines from a centre, or as branches from the body of a tree.

This depth is called the centre, the fund, or bottom, of the soul. This depth is the Unity, the Eternity, I had almost said the infinity of the soul, for it is so infinite that nothing can satisfy it, or give it any rest, but the infinity of God.» --

Evelyn Underhill, *Mysticism*, p. 61.

[14] Tống Long Uyên, *Đạo đức kinh giảng nghĩa*, tr. 14.

[15] Tống Long Uyên, *Đạo đức kinh giảng nghĩa*, tr. 14b.

[16] Dục tri tiên đạo, tiên tậ nhân đạo, nhân đạo bất tu, tiên đạo viễn hĩ. 欲知仙道先盡人道人道不修仙道遠矣.

[17] *Thượng phẩm đan pháp* 上品丹法 Tiết thứ tr. 7a. Thái ất kim hoa tông chỉ 太乙金華宗旨, 15b.

[18] *Thượng phẩm đơn pháp*, tr. 10a.

[19] ib. 1a.

[20] Luyện khử phàm tâm độc tồn chân tính 鍊去凡心獨存真性. ib. 1a.

[21] Thôi Hi Phạm, *Nhập dược kính*, tr. 6b.

[22] Thôi Hi Phạm, *Nhập dược kính*, tr. 6b.

[23] Tống Long Uyên, *Đạo đức kinh giải nghĩa*, tr. 14b.

[24] Âm chú, Hà Thượng Công, *Lão tử Đạo đức kinh*, tr. 5a.

[25] Nghiêm Toàn, *Lão tử Đạo đức kinh*, quyển 1, tr. 53.

[26] Xem Lưu Tư, *Bạch thoại thích giải Đạo đức kinh*, tr. 23.

Xem Nghiêm Toàn, *Lão tử Đạo đức kinh*, tr. 58-59.

[27] Đọc thêm Trang Tử, *Nam Hoa Kinh*, chương Đại Tông Sư, đoạn J; Trí bắc du đoạn C, v. v...

[28] Xem Nguyễn Văn Thọ, *Trung Dung tân khảo*, tr. 499-500.

[29] To let oneself go, be quiet, receptive, is the condition under which such contact with the comic Life may be obtained. «I have noticed that when one pains, one should think of nothing: everything then comes better,» says the young Raphael to Leonardo Da Vinci. The superficial self must here acknowledge its own insufficiency, must become the humble servant of a more profound and vital consciousness...

Then the conscious mind being passive, the more divine mind below the threshold – organ of our free creative life – can emerge and presents its report. In the words of an older mystic, «The soul leaving all things and

forgetting herself, is immersed in the ocean of Divine Splendour, and illuminated by the sublime Abyss of the Unfathomable Wisdom».

(Evelyn Underhill, *Mysticism*, p. 76-77)

[30] *Surrender and deification*, lb. p. 113.

[31] Xem Nguyễn Văn Thọ, *Trung Dung tân khảo*, tr. 50.

[32] *Kinh Dịch*, quẻ Khôn, hào lục tam.

[33] *Kinh Dịch*, quẻ Minh Di, Tượng truyện.

CHƯƠNG 11

VÔ DỤNG

無用

Hán văn:

三十輻共一轂. 當其無, 有車之用. 埴埴以為器. 當其無, 有器之用. 鑿戶牖以為室. 當其無, 有室之用. 故有之以為利, 無之以為用.

Phiên âm:

1. Tam thập phúc, [1] cộng nhất cốc. [2] Đương kỳ vô, hữu xa chi dụng.
2. Duyên [3] thực [4] dĩ vi khí. Đương kỳ vô, hữu khí chi dụng.
3. Tạc hộ [5] dĩ [6] dĩ vi thất. Đương kỳ vô, hữu thất chi dụng.
4. Cỗ hữu chi dĩ vi lợi, vô chi dĩ vi dụng. [7]

Dịch xuôi:

1. Ba chục cãm, hợp lại một bầu. Nhờ chỗ «trống không», mới có cái dùng của xe.
2. Nhào đất để làm chén bát. Nhờ chỗ «trống không», mới có cái dùng của chén bát.
3. Đục cửa lớn, cửa sổ để làm nhà; nhờ có chỗ trống không, mới có cái dùng của nhà.
4. Cho nên lấy cái «có» để làm cái lợi, lấy cái «không» để làm cái dụng.

Dịch thơ:

1. Bánh xe ba mươi tai hoa,
Cái bầu giữa trống, nó nhờ nó quay.
2. Bát kia lấy đất dụng gầy,

Nhờ lòng bát rỗng, mới hay đựng đồ.

3. *Làm nhà trống cửa nhỏ, to,*

Nhờ cửa mở trống, cái nhà mới quang.

4. *Hữu hình để chở, để mang,*

Vô hình mới thực chính tang «cái dùng».

BÌNH GIẢNG

Trong chương này, Lão tử dùng ba ví dụ để nói lên sự quan trọng của Hư vô. Đó là:

- Khoảng không của trục xe
- Khoảng không trong lòng bát
- Khoảng không nơi các cửa lớn nhỏ, và
- Khoảng không trong lòng nhà.

Suy ra, thì cái hữu hình hữu tướng chỉ cốt là để dung chứa cái không, và cái không mới thực sự quan hệ.

Nhân chương này, thiết tưởng nên bàn về chữ Vô, chữ Không của đạo Lão.

1. Chữ Hư, Vô trong siêu hình học Lão giáo

Chữ Hư, chữ Vô, chữ Không, trong siêu hình học đạo Lão, tức là Tuyệt đối. Đạo đức kinh chương 40 viết: «Thiên hạ vạn vật sinh ư hữu, hữu sinh ư Vô.»

Xướng đạo Chân ngôn viết: Đạo gia gọi là Hư; Phật gia gọi là Không. «Không có thể nhìn thấy mọi sự, nghe thấy mọi sự. «Không» vẫn không làm gì gián cách, không vốn vô lượng, vô biên. Cho nên khi một người suy nghĩ, người cùng nhà không hay biết, mà Hư không vô lượng, vô biên đã biết, đã hay... Vì thế, Nho gia «thận độc, úy không» (cẩn thận khi ở một mình, sợ hãi cái Không).[\[8\]](#)

Nơi con người hư vô chính là chân tâm, bản tâm con người. Sách *Tự Chính lục* viết: «Thiên hạ vạn sự vạn vật giai hữu hình, hữu tích, duy có tâm là không thể lấy hình tích mà tìm cầu; không tiếng không hơi; không không, đặng đặng...»[\[9\]](#)

2. Những khoảng không trong con người

Nếu ở nơi bánh xe, chén bát, nhà cửa, khoảng không trọng hơn khoảng có, thì ở nơi con người các khoảng không, đều trọng hơn khoảng có.

Y gia chỉ biết các khoảng có. Đạo gia chuyên chú trọng đến các khoảng không. Theo đạo gia thì có ba khoảng không quan trọng nhất trong con người, mà họ thường gọi là Thiên cốc, Ứng cốc, Linh cốc.

a) **Thiên cốc** 天谷 hay Thượng đan điền 上丹田 hay Huyền quan khiếu 玄關竅 ở Nê hoàn cung 泥丸宮 hay Não thất ba. [\[10\]](#)

b) **Ứng cốc** 應谷 hay Giáng cung 絳宮 hay Trung đan điền 中丹田 ở xoang giữa ngực (médiastin) gần tim. [\[11\]](#)

c) **Linh cốc** 靈谷 hay Khí hải 氣海 hay Hạ đan điền 下丹田 xoang bụng dưới rốn (cavité abdominale, région Hypogastrique). [\[12\]](#)

Thiên cốc 天谷 hay Huyền quan khiếu 玄關竅, dĩ nhiên là quan trọng hơn cả. [\[13\]](#)

Sách *Tu chân biện nạn tiên biên* viết:

Tại thiên, tắc Vô cực 在天則無極

Tại nhân, tắc Huyền khiếu. [\[14\]](#) 在人則玄竅

Các xoang cốc trong người đều không thương với nhau bằng những kinh lạc vô hình và nhất là qua ngã ống giữa tủy xương sống (canal épendymaire).

3. Tu đạo là đi tìm không, thực hiện không

Người tu đạo chính là đi tìm Không. Những cái có, nhỡn tiền, ai chẳng thấy. Xác thịt trần trần, ai chẳng thấy. Cho nên người cao siêu, tu đạo, tức là đi tìm cái vô hình, vô tướng mà mọi người không tìm thấy; chỉ cho nhau cái *không*, mà người thường không thấy.

Tính mệnh khuê chỉ 性命圭旨 có thơ rằng:

«Đại đạo căn kinh thức giả hi

大道根莖識者稀

Thường nhân nhật dụng thực năng tri

常人日用孰能知

Vị quân chỉ xuất thần tiên quật

為君指出神仙窟

Nhất khiếu loan loan tự nguyệt mi.»

一竅灣灣似月眉

Tạm dịch:

*Căn kinh đại đạo ít ai hay,
Thường nhân dùng mãi, biết nào ai?
Vì người, xin chỉ thần tiên động,
Một khiếu cong cong tựa nét ngài... [15]*

Tu là đem tâm thần về Không động.

Trương Vô Mộng nói: «Tâm tại linh quan, thân hữu chủ. Khí qui nguyên hải thọ vô cùng.» 心在靈關身有主氣歸元海壽無窮.

*«Tâm ở linh quan thân có chủ,
Khí về nguyên hải thọ vô cùng...» [16]*

Nhập được kính nói: «Nê hoàn là bản cung của Thần, Thần về Nê hoàn thời vạn thần triều hội. Vì thế nói: «Người muốn bất tử, thời tu Côn Lôn.» [17]

Mục đích của sự tu trì là: Thành thần trở về với Vô cực. (Luyện thần hoàn hư. Phục qui vô cực. 煉神還虛, 復歸無極)

Các đạo sĩ Yoga xưa tu luyện không phải đi tìm «Thiên đường» mà cốt là kết hợp với bản nguyên của vũ trụ. [18]

Như vậy con người một nửa là Hữu một nửa là Vô. Tìm ra được nửa Vô trong người, làm cho các năng lực còn tiềm tàng trong Vô đó được thi triển, mới là con người toàn diện. [19]

Lý tưởng đời sống theo đạo Lão đều xoay quanh chữ VÔ 無. Ta thấy đạo Lão toàn chủ trương VÔ:

- Vô kỷ 無己
- Vô công 無功
- Vô danh 無名
- Vô vi 無為
- Vô dục 無欲

Có hoàn toàn Vô, mới hòa mình được với Bản thể vũ trụ vô biên tế.

Thiệu Khang Tiết nói: «Vô ngã, nhiên hậu vạn vật giai ngã. Thử thị chí ngôn, diệc thị chân quyết.» [20]

Tổng Long Uyên bình chương này đại khái như sau: Trời đất có trống giữa thì âm dương mới có diệu dụng. Thánh nhân có «hư tâm» sự vận dụng mới vi diệu. Nếu đất trời không trống giữa, thì bốn mùa sẽ không vần xoay, quỷ thần sẽ không biến hóa, cho nên người biết thế nào là «Hư Trung», sẽ biết căn bản của Tạo hóa. Nếu thánh nhân không «hư tâm», sẽ không hiểu được thiên lý vi diệu, không làm cho nhân tâm trở nên chính đính, không thể sửa đổi phong tục, treo gương cho nhân quần. Cho nên người biết thế nào là «hư tâm» sẽ biết căn bản của đạo đức. [21]

[1] Phúc 輻: tai hoa (rayons, rais).

[2] Cốc 轂: bầu (moyeu).

[3] Duyên 埏: pha trộn, nhào nặn.

[4] Thực 埴: đất sét, đất thó.

[5] Hộ 戶: cửa một cánh, (cửa 2 cánh là môn).

[6] Dũ 牖: cửa sổ.

[7] *Xướng đạo chân ngôn* (tr. 28b) có một đoạn dài nói về Hư vô.

[8] Đạo gia vị chi Hư, Phật gia vị chi Không. Không năng vô sở bất kiến, vô sở bất văn... Không vô sở cách. Không bản vô lượng vô biên. Cố nhất nhân phát nhất niệm đồng thất chi nhân bất tri, nhi vô lượng chi không tri chi. Nho gia chi thận độc, úy không cố dã. 道家謂之虛佛家謂之空. 空能無所不見無所不聞. 空無所隔空本無量無邊. 故一人發一念同室之人不知而無量之空知之. 儒者之慎獨畏空故也. *Xướng đạo chân ngôn*, quyển 5, tr. 31.

[9] Thiên hạ vạn vật giai hữu hình, hữu tích, duy tâm bất khả dĩ hình tích cầu, vô thanh vô xú, không không, đẳng đẳng. 天下萬物皆有形有跡惟心不可以形跡求無聲無臭空空蕩蕩 *Tự Chính lục*, tr. 1b.

[10] *Lạc Dục Đường Ngữ Lục* 樂育堂語錄, quyển 2: Hà vị thiên cốc? Cái nhân đầu hữu cửu cung, trung hữu nhất sở, danh viết thiên cốc. Thanh tịnh vô trần, năng tương nguyên thần an trí kỳ trung, hào bất ngoại trì, tắc thành chân chứng thánh. 何謂天谷蓋人頭有九宮中有一所名曰天谷. 清淨無塵

能將元神安置其中毫不外馳則成真証聖 (Thiên cốc là gì? Đầu người có 9 cung, trong đó có một chỗ tên là thiên cốc. Thanh tịnh không nhiễm trần thì có thể đem nguyên thần an trí tại nơi đó, không mảy may [để nguyên thần] thoát chạy ra ngoài ắt sẽ chứng thành tiên thánh).

[11] *Tử Thanh Chỉ Huyền Tập* 紫清指玄集 giải thích: Trung hữu ứng cốc giáng cung, tàng khí chi phủ dã. Hậu thể xưng vi trung đan điền 中有應谷絳宮藏氣之府也. 後世稱為中丹田 (Bên trong có ứng cốc [tức là] giáng cung, là nơi chứa khí. Người đời sau gọi là trung đan điền.)

[12] *Tử Thanh Chỉ Huyền Tập* 紫清指玄集 giải thích: Hạ hữu linh cốc quan nguyên, tàng tinh chi phủ dã. Hậu thể xưng vi hạ đan điền 下有靈谷關元藏精之府也. 後世稱為下丹田 (Phía dưới có linh cốc [tức là] quan nguyên, là nơi chứa tinh.)

[13] Dans les trois sections du corps, ils (les Taoïstes) placent trois régions principales, l'une dans la tête, la deuxième dans la poitrine, la troisième dans le ventre. Ce sont en quelque sorte les portes du commandement de chacune des sections. On les appelle les Champs de Cinabre *dantian* (đan điền) pour rappeler le nom de l'élément essentiel de la drogue d'immortalité, le cinabre. Le premier, ou Palais du Nihuan (*Nirvâna*) est dans le cerveau; le deuxième, le Palais Écarlate, est près du cœur; le troisième, le Champ de Cinabre inférieur, est au-dessous du nombril. Henri Maspéro, *Le Taoïsme*, p. 92.

Thiên cốc (thượng đan điền) cũng gọi là *tính căn* 性根 là nơi phát xuất tư duy thần chí, sách *Tu Chân Thập Thư* 修真十書 (quyển 3) gọi đó là «nơi tụ tập của vạn thần» 萬神會集之鄉 (vạn thần hội tập chi hương), tức là não bộ 腦部. Sách *Kim Đan Đại Thành* 金丹大成, chương Kim Đan Vấn Đáp 金丹問答, bảo: «Não vi thượng điền.» 腦為上田 (Não là thượng [đan] điền).

Thượng đan điền cũng gọi là *thâm uyên* 深淵 hay *thái uyên* 太淵. *Chu Dịch Tham Đồng Khế Phát Huy* 周易參同契發揮, quyển trung, nói: «Chân nhân tiềm thâm uyên, phù du thủ quy trung.» 真人潛深淵浮游守規中. C hân

nhân ở đây là *nguyên thần* 元神; thâm uyên là *thái uyên* hay thượng đan điền. Sách *Chu Dịch Tham Đồng Khế* này đưa ra 67 thuật ngữ khác nhau cùng chỉ thượng đan điền như: 1. Nê hoàn cung 泥丸宮, 2. Lưu châu cung 流珠宮, 3. Ngọc Thanh cung 玉清宮, 4. Tử Thanh cung 紫清宮, 5. Thúy vi cung 翠微宮, 6. Thái Nhất cung 太一宮, 7. Thái huyền quan 太玄關, 8. Huyền môn 玄門, 9. Huyền thất 玄室, 10. Huyền cốc 玄谷, 11. Huyền điền 玄田, 12. Sa điền 砂田, 13. Đệ nhất quan 第一關, 14. Đô quan 都關, 15. Thiên quan 天關, 16. Thiên môn 天門, 17. Thiên cốc 天谷, 18. Thiên điền 天田, 19. Thiên tâm 天心, 20. Thiên luân 天輪, 21. Thiên trục 天軸, 22. Thiên nguyên 天源, 23. Thiên trì 天池, 24. Thiên căn 天根, 25. Thiên đường 天堂, 26. Thiên cung 天宮, 27. Càn cung 乾宮, 28. Càn gia 乾家, 29. Giao cảm cung 交感宮, 30. Ly cung 離宮, 31. Thần cung 神宮, 32. Thần thất 神室, 33. Thần quan 神關, 34. Thần kinh 神京, 35. Thần đô 神都, 36. Huyền đô 玄都, 37. Cố đô 故都, 38. Cố hương 故鄉, 40. Cố khâu 故丘, 41. Cố lâm 故林, 42. Cố cung 故宮, 43. Tử phủ 紫府, 44. Tử đình 紫庭, 45. Tử kim thành 紫金城, 46. Tử kim đỉnh 紫金鼎, 47. Chu sa đỉnh 朱砂鼎, 48. Hống đỉnh 汞鼎, 49. Ngọc đỉnh 玉鼎, 50. Ngọc thất 玉室, 51. Ngọc kinh 玉京, 52. Ngọc vũ 玉宇, 53. Diêu phong 瑤峰, 54. Đệ nhất phong 第一峰, 55. Tối cao phong 最高峰, 56. Chúc Dung phong 祝融峰, 57. Côn Lôn đỉnh 崑崙頂, 58. Không Động sơn 崆峒山, 59. Bồng Lai 蓬萊, 60. Thượng đảo 上島, 61. Thượng kinh 上京, 62. Thượng cung 上宮, 63. Thượng huyền 上玄, 64. Thượng nguyên 上元, 65. Thượng cốc 上谷, 66. Thượng thổ phủ 上土釜, 67. Thái vi cung 太微宮. Sách *Tính Mệnh Khuê Chỉ* 性命圭旨 (nơi Phản Chiếu đồ 反照圖) đưa ra 47 thuật ngữ khác nhau của thượng đan điền. Ngoài 21 danh từ đã kể trùng lặp trong *Chu Dịch Tham Đồng Khế Phát Huy*, *Tính Mệnh Khuê Chỉ* còn kể thêm các thuật ngữ: 1. Thanh hư phủ 清虛府, 2. Thượng thiên quan 上天關, 3. Tam ma địa 三摩地, 4. Hoàng phòng 黃房, 5. Chân tế 真際, 6. Bỉ ngạn 彼岸, 7. Diêu trì 瑤池, 8. Nê hoàn 泥丸, 9. Nội viện 內院, 10. Liêu thiên 寥天, 11. Đế Ất 帝乙, 12. Tảng sơn 甌山, 13. Thiên

phù 天符, 14. Ma ni châu 摩尼珠, 15. Ngọc kinh sơn 玉京山, 16. Thái uyên trì 太淵池, 17. Uy quang đỉnh 威光鼎, 18. Bát nhã ngạn 般若岸, 19. Ba la mật địa 波羅密地, 20. Bách linh chi mệnh trạch 百靈之命宅, 21. Tân dịch chi sơn nguyên 津液之山源, 22. Viên giác hải 圓覺海, 23. Trung nhất cung 中一宮, 24. Đà la ni môn 陀羅尼門, 25. Não huyết chi quỳnh phòng 腦血之瓊房, 26. Hồn tinh chi ngọc thất 魂精之玉室.

[14] *Tu chân biện nạn tiền biên*, tr. 25a.

[15] *Xướng đạo chân ngôn*, tr. 10b có một đoạn nói về Hư trong con người.

[16] *Tính mệnh khuê chỉ*, quyển Hanh.

[17] Nê hoàn, Thần chi bản cung dã. Thần qui nê hoàn tắc vạn thần triều hội. Tử dục bất tử tu Côn Lôn thị dã. 泥丸神之本宮也。神歸泥丸則萬神朝會。子欲不死修昆崙是也。 *Nhập đạo kinh*, tr. 10b.

[18] Aucun Yogi ne cherche «le Ciel» mais l'union avec ce qui est la source de tous les mondes. Arthur Avalon, *La Puissance du Serpent*.

[19] Only the mystic can be called a whole man, since in the other half, the powers of the self always sleep. -- Evelyn Underhill, *Mysticism*, p. 75.

[20] Thiệu tử vân: Vô ngã, nhiên hậu vạn vật giai ngã. Thử thị chí ngôn, diệc thị chân quyết 邵子云：無我然後萬物皆我。此是至言亦是真訣 (Vô ngã rồi sau vạn vật mới đều có ngã. *Thực chí lý vậy*). *Tự Chính lục*, tr. 3b.

[21] Tống Long Uyên, *Đạo đức kinh giải nghĩa*, tr. 16a.

CHƯƠNG 12

KIỂM DỤC

檢欲

Hán văn:

五色令人目盲. 五音令人耳聾. 五味令人口爽. 馳騁田獵令人心發狂. 難得之貨, 令人行妨. 是以聖人為腹不為目. 故去彼取此.

Phiên âm:

1. Ngũ sắc lệnh [1] nhân mục manh.[2] Ngũ âm lệnh nhân nhĩ lung.[3] Ngũ vị lệnh nhân khẩu sảng.[4] Trì sinh [5] điền liệt [6] lệnh nhân tâm phát cuồng. Nan đắc chi hóa, lệnh nhân hành phương.[7]

2. Thị dĩ thánh nhân vị phúc bất vị mục. Cố khứ bỉ thủ thử.

Dịch xuôi:

1. Năm màu khiến người mù mắt. Năm giọng khiến người điếc tai. Năm mùi khiến người tê lưỡi. Ruồi rong săn bắn, khiến lòng người hóa cuồng. Của cải khó được, khiến người bị tai hại.

2. Bởi vậy, thánh nhân vì bụng không vì mắt. Nên bỏ cái kia, lấy cái này.

Dịch thơ:

1. Sắc năm màu làm ta choáng mắt,
Thanh năm cung ngậy ngất lổ tai.
Năm mùi tê lưỡi mềm sai,
Ruồi rong săn bắn, lòng người hóa điên.
Của hiếm có ngả nghiêng nhân đức,
Khinh giác quan, giữ chắc lòng son.
2. Thánh nhân hiểu lẽ mất còn.

BÌNH GIẢNG

Các lời khuyên của Lão tử trên đây rất hữu ích cho công phu tu luyện.

Như ta đã biết Lão tử là một nhà huyền học. Mà Huyền học là sự vươn vượt lên trên thế giới hiện tượng hữu hình để đạt tới Chân thể nấp sau bức màn hiện tượng. [8]

Nhà huyền học là một người «phản vọng, qui chân», bỏ điều sai lạc, trở về cùng chân lý», [9] không hướng ngoại, mà trở về tâm điểm tâm thần. [10]

Muốn hướng nội, để tìm ra thiên chân thiên thể, cần phải thoát mọi phiền trước, thúc phọc bên ngoài, cần phải định thần, tĩnh trí. Chính vì vậy, mà những thú vui giác quan bên ngoài trở thành chướng ngại. Chúng làm cho tản thần, hao khí; chúng làm cho tâm hồn trở

nên bất định không hoàn toàn chuyên chú vào được vấn đề trọng đại nhất của người tu đạo, là thực hiện thiên chân.

Những nhà huyền học chân chính thường sống rất thâm trầm nơi tâm khảm, nơi mà «tiểu ngã» trở nên vô nghĩa, vì «tâm hồn» tiếp xúc với nguồn sống của đại thể... [11]

Vì thế cho nên họ rất sợ những cám dỗ ngoại lai, mặc dầu là những cám dỗ nhỏ nhặt.

Thánh Jean de la Croix viết: «... Tâm hồn bị sa lầy trong tình ái, mắc mứu trong cạm bẫy của dục vọng và lòng vị kỷ, dầu là nhỏ nhoi mấy chẳng nữa, cũng bị ngăn cản không thể vươn mình lên đến Chân Thiện. Sự luyến ái tạo vật đó đã thành trở ngại lớn lao không cho tâm hồn phối kết với Thượng Đế.» [12]

Các vị thiền sư cũng cho rằng lòng khát khao sự vật sẽ tạo nên một trạng thái sắc tướng, một trạng thái nô lệ. Vì thế nên họ muốn đời sống mình vô sắc tướng.[13]

Lại nói:

Mảng vui là mất khinh phiêu,

Khinh thường hoan lạc, có chiều trường sinh. [\[14\]](#)

Suy ra ta mới hiểu tại sao xưa nay tại sao có nhiều người lại đi ẩn tu trong các tu viện, hoặc nơi sa mạc hoang vu. Đó là vì họ đã chọn đời sống tinh thần vĩnh cửu, thay vì đời sống giác quan tạm bợ.

Trong các pháp môn tu luyện, ta lại thấy môn «thiền định» là quan trọng và phổ quát hơn cả, mà thiền định chính là khép cửa giác quan, vận khí, điều thần, tập trung tư tưởng, thần trí, để cuối cùng đi đến chỗ cao siêu nhất là xuất thần nhập định, huyền hóa với Đại đạo.

Trang tử gọi thế là «Tọa vong».[15]

Tóm lại chương này khuyên ta hãy rũ bỏ cái phù hoa sắc tướng bên ngoài, để giữ gìn cái «Ta» thiên nhiên, chân thực, giữ gìn lấy cái Đại ngã siêu linh, vô sắc tướng.

Trong khi vạn sự, vạn loài trong vũ trụ phá tán và hủy hoại hình thể mình,[16] thì nhà huyền học cố thu thần định trí, hồi quang phản chiếu, như vậy có phải là đã thoát ly được mọi định luật chi phối vạn vật không, và đã siêu thoát không?

[1] Lệnh 令: hay *lệnh*, khiến.

[2] Manh 盲: mù.

[3] Lung 豐: điếc.

[4] Sảng 爽: sai.

[5] Trì sính 馳 騁: rong ruổi.

[6] Điền liệp 田 獵: săn bắn. Săn mùa Xuân gọi là Điền 田; Săn mùa Hạ gọi là Miêu 苗; Săn mùa Thu gọi là Tiễn 獮; Săn mùa Đông gọi là Liệp (lạp) 獵, vì thế săn bắn mới gọi là Điền liệp (lạp) 田 獵.

[7] Phương 妨: tổn thương hư hỏng.

[8] The hermetic science is a method of transcending the phenomenal world and attain to the realty which is behind phenomena. -- Evelyn Underhill, *Mysticism*, p. 181.

[9] Xem *Đạo đức kinh giải nghĩa*, tr. 17a.

[10] Not outward bound, but rather on the journey to its centre. -- Evelyn Underhill, *Mysticism*, p. 123.

[11] In the deepest recesses of her (St. Teresa) spirit, in that unplumbed abyss where selfhood ceases to have meaning and the individual soul touches the life of the All, distinction vanished and she «saw God in a point». -- Evelyn Underhill, *Mysticism*, p. 123.

[12] L'Âme est engluée dans ses affections, prise au piège de ses passions et de son égoïsme, même infime, et se trouve ainsi empêchée de s'élancer vers son véritable bien. C'est cet attachement à la créature qui constitue l'obstacle majeur à l'union de l'âme avec Dieu. *St Jean de la Croix*, p. 114.

[13] La soif des choses produit l'état coloré que le Yogi considère comme une servitude, un esclavage. C'est l'état incolore qu'il s'impose à sa vie. -- Ernest E. Wood, *La Pratique du Yoga*, p. 31.

[14] Celui qui accapare une joie,
Détruit la vie ailée.
Celui qui embrasse la joie au passage,

Vit dans l'aurore de l'éternité.

lb. p. 32.

[15] Xem *Nam Hoa kinh*, Đại tông sư, J và Trí Bắc Du, C.

[16] All the phenomena of nature visible and invisible, within the atom and in outer space, indicate that the substance and energy of the universe are inexorably diffusing like vapor through the insatiable void. The sun is slowly but surely burning out, the stars are dying embers, and everywhere in the cosmos, heat is turning to cold, matter is dissolving into radiation, and energy is being dissipated into empty space. -- Lincoln Barnett, *The Universe and Dr Einstein*, p. 110.

CHƯƠNG 13

YẾM SĨ

厭恥

Hán văn:

寵辱若驚. (貴) 大患若身. 何謂寵辱若驚. 寵為(上, 辱為)下. 得之若驚, 失之若驚. 何謂(貴)大患若身. 吾所以有大患者, 為吾有身. 及吾無身, 吾有何患? 故貴以身為天下, 若可寄天下. 愛以身為天下, 若可托天下.

Phiên âm:

1. Sủng nhục *nhược* [1] kinh. (Quý) [2] đại hoạn *nhược** thân.
2. Hà vị sủng nhục *nhược** kinh. Sủng vi (thượng, nhục vi) hạ. [3] Đắc chi *nhược** kinh, Thất chi *nhược** kinh.
3. Hà vị (quí) [4] đại hoạn *nhược** thân. Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vi ngô hữu thân. Cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn?
4. Cố quý dĩ thân vi thiên hạ, *nhược* [5] khả ký thiên hạ. Ái dĩ thân vi thiên hạ, *nhược** khả thác thiên hạ.

Dịch xuôi:

1. Vinh, nhục cũng làm lo âu. Sở dĩ hoạn nạn là vì có thân.

2. Tại sao vinh, nhục đều làm lo âu? Vinh là ở ngôi cao, nhục là ở địa vị thấp. Được cũng lo, mất cũng lo. Vì thế nên nói: Vinh nhục đều lo.

3. Tại sao nói: «Hoạn nạn là vì có thân?» Ta sợ dĩ phải lo âu nhiều, chính vì ta có thân. Nếu không có thân, ta đâu có lo !

4. Cho nên ai quý thiên hạ hơn thân mình, thì có thể đem thiên hạ giao phó cho, ai yêu thiên hạ hơn thân mình, thì có thể gửi gắm thiên hạ cho họ được.[\[6\]](#)

Dịch thơ:

1. Vinh hay nhục lo âu cũng rứa,
Ta lo âu vì có tấm thân.
2. Nhục vinh là mối bận tâm,
Lên voi xuống chó cũng ngần ấy lo.
3. Luôn sợ hãi là do thân thể,
Không thân này hồ để âu lo.
4. Xin đem thiên hạ hiến cho,
Ai vì thiên hạ, chẳng tơ tưởng mình.

BÌNH GIẢNG

Hai chương trên, Lão tử khuyên ta: (1) Phải sống hư tâm, khinh khoát. (2) Phải biết tiết dục, đừng mê mải chạy theo những thú vui giác quan.

Trong chương này, Lão tử tiếp tục khuyên ta: Đừng nên bận tâm vì công danh trần tục cũng như nên vươn lên khỏi đời sống phàm tục của tiểu ngã.

1. Không nên bận tâm vì công danh trần tục

Lão tử cho rằng công danh chỉ làm khổ con người.

Vinh cũng lo, cũng khổ.

Nhục cũng lo cũng khổ.

Cái vinh nhục đầy lo âu ấy, chỉ có những người đã qua cầu mới hay.

Vinh nhục ở đời như là những đợt sóng cồn kế tiếp nhau trên bể hoạn.

Câu Tiễn đương là vua nước Việt, bỗng thua trận, bị Phù Sai bắt, cùng với vợ, về nước Ngô chẵn ngựa.

Sở Chiêu Vương, đang làm vua nước Sở, bị vua Hạp Lư nước Ngô, cùng Tôn Võ và

Ngũ Tử Tư tấn công, phải bỏ kinh đô, xuống thuyền mà chạy. Bỗng gặp bọn thảo khấu. Tùy tùng nói đây là Sở Chiêu Vương xin đừng xâm phạm. Bọn thảo khấu trả lời: «Ta chỉ biết có của, chứ không biết có chúa.» Nói đoạn đánh người, cướp của đốt thuyền. Vua, tôi phải bỏ thuyền lên bờ mà chạy. Sau gặp thuyền của quân đại phu Lâm Doãn Vĩ cũng đi lánh nạn. Vua tôi xin cho lên thuyền. Lâm Doãn Vĩ đáp: «Ta chở chúa mất nước đi làm gì?» Rồi đi luôn không ghé.

Napoléon trước kia ở cung vàng, điện ngọc, mà khi bị đi đày ra Sainte Hélène cũng chỉ nằm trên một giường sắt nhà binh cũ, dùng một cái chậu rửa mặt cũ, đặt trên một cái giá gỗ cũ, như một người nghèo nhà quê.

Nhiều vua chúa Trung Đông xưa bị vua nước địch bắt được, phải khom lưng làm ghế, để vua địch bước lên, mỗi khi lên ngựa.

Bacon nói: «Người trên làm đày tớ đến ba lần: đày tớ cho vua, đày tớ cho danh vọng, đày tớ cho công việc, vì thế họ mất hết tự do; bản thân mất tự do; hoạt động mất tự do; giờ giấc mất tự do. Thật là kỳ dị: người có quyền cai trị người khác, lại không cai trị nổi mình.» [7]

Young nói: «Địa vị cao không mang lại hạnh phúc, mà mang lại rắc rối. Không ai nghĩ rằng người trên khổ, chỉ có người trên mới thấy điều đó.» [8]

Ugo Foscolo nói: «Danh vọng của những người lớn, một phần là do sự liều lĩnh, hai phần là do may mắn, còn một phần nữa là do tội ác của họ.» [9]

Cung Oán Ngâm Khúc viết:

*«Mùi phú quý dửng lơ xa mã,
Bỏ vinh hoa lừa dối công khanh.
Giấc Nam Kha khéo bất bình,
Bùng con mắt dậy, thấy mình tay không.»*

Chính vì thế mà Lão tử khuyên ta đừng nên bận tâm đến vinh nhục bên ngoài.

2. Phải vươn lên khỏi đời sống phàm tục của tiểu ngã

Lão tử cũng khuyên chúng ta không nên bám víu vào thân tâm bên ngoài, vì nó cũng chỉ phù du tạm bợ như những cái gì hữu hình, hữu tướng, vì nó chính là nguồn gốc của mọi sự khổ đau, phiền nhiễu của con người.

Người tu đạo phải biết vươn lên trên những giới hạn hình hài sắc tướng của tiểu ngã để

tiến lên đến bình diện vô biên tế của Đại Ngã, bình diện của tự do và hạnh phúc trường tồn. [10]

Như vậy Lão tử đã chỉ cho ta thấy nguồn gốc lo âu sầu khổ chính là cái phàm thân của ta, là cái tiểu ngã của ta. Thế tức là ngài dạy ta: muốn thoát khổ phải đi đến chỗ vô kỷ, vô ngã.

Khổng tử đã đạt tới vô ngã. [11]

Phật giáo chủ trương diệt ngã.

Như vậy Phật, Lão, Khổng đều chủ trương rằng cái phàm thân là giả tướng, cái chân tâm, chân ngã mới là con người đích thực, là «Chân nhân».

Huyền học Âu Châu cũng đề cập hai con người:

- Một con người phù phiếm, phàm tục mà các nhà huyền học đều lo rũ bỏ. [12]
- Một con người siêu việt, mà các nhà huyền học đều muốn thực hiện. [13]

3. Không cầu danh tranh lợi

Lão tử kết luận rằng chỉ những người không cầu danh, tranh lợi, chỉ những người thoát được ra ngoài vòng phàm thân, phàm tâm, mới là những người xứng đáng cầm đầu thiên hạ.

[1] Sáu chữ *nhược* 若 trên đều có nghĩa như chữ *giả* 者.

[2] Bản của Lưu Tư bỏ chữ *quí* 貴, cho là thừa, Cao Hanh cũng nghĩ vậy.

[3] Nhiều sách chỉ viết: *Sủng vi hạ* 寵為下. Nhưng Trần Danh Nguyên và Lý Đạo Thuần sửa lại như trên là: *Sủng vi thượng, nhục vi hạ* 寵為上辱為下.

[4] Chữ *quí* 貴 ở đây cũng nên bỏ đi. (Cao Hanh).

[5] Hai chữ *nhược* 若 sau nghĩa như chữ *tắc* 則 (: thì).

[6] À celui qui est uniquement soucieux de la grandeur de l'empire (et non de la sienne), à celui qui ne désire que le bien de l'empire (et non le sien propre), qu'à celui-là on confie l'empire (et il sera en bonnes mains). -- Léon Wieger, *Les Pères du Système Taoïste*.

[7] Men in great place are thrice servants, servants of the sovereign or state, servants of fame, and servants of business; so that they have no freedom, neither in their person, in their actions, nor in their times. It is a strange desire to seek powers over others, and to lose power over a man's self - (Bacon). *The New Dictionary of Thoughts*, p. 250.

- [8] High Stations tumult, not bliss create, - None think the great unhappy, but the great (Young) ib. 251.
- [9] La gloire des grands hommes tient pour un quart à leur audace, pour deux quarts au hasard, pour le dernier quart à leurs crimes. *Encyclopédie des Citations*, p. 432.
- [10] The law of this Infinite life, which was in the Incarnation expressing its own nature to a supreme degree, must then also be the law of the finite life; in so far as that life aspires to transcend individual limitations, rise to freedom and attain union with Infinity. Evelyn Underhill, *Mysticism*, p. 145.
- [11] Tử tuyệt tứ. Vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã 子絕四：毋意，毋必，毋固，毋我 (Luận Ngữ, Tử Hãn chương 9, câu 4) Đức Khổng có bốn không: (1) Không có ý riêng (lòng tư dục); (2) Không có lòng kỳ tất, nhưng biết tùy cảnh mà làm; (3) Không cố chấp, tức là biết bao dung; (4) Vô ngã: tức là không vị kỷ, tư kỷ.
- [12] Xem Evelyn Underhill, *Mysticism*, các trang viết trong dấu ngoặc. Surface personality (272), surface consciousness (68), superficial consciousness (?), superficial mind (69), surface mind (262), the finite Life (145), the natural mind (122), the lower nature (145, surface life (80).
- [13] The transcendental consciousness (272), the interior man (272), the mystical consciousness (273), the subliminal mind (190), the superhuman plane (191), the supersensual plane (147), subconscious deeps (80), the divine Substance (144), the absolute (144), The Principle of Life (144), The Principle of Restitution (144), The Infinite Life (145), The Divine (133), The Archetypal world (186), the deified Life (212).

CHƯƠNG 14

TÁN HUYỀN

贊玄

Hán văn:

視之不見，名曰夷。聽之不聞，名曰希。搏之不得，名曰微。此三者不可致詰。故混而為一。其上不皎，其下不昧，繩繩不可名，復歸於無物。是謂無狀之狀，無物之象。是謂惚恍，迎之不見其首，隨之不見其後。執古之道，以御今之有。能知古始，是謂道紀。

Phiên âm:

1. Thị chi bất kiến, danh viết Di. Thính chi bất văn, danh viết Hi. Bác chi bất đắc, danh viết Vi. Thử tam giả bất khả trí cật. [1] Cố hỗn nhi vi nhất.

2. Kỳ thượng bất kiến. [2] Kỳ hạ bất muội. Thằng thẳng [3] bất khả danh, phục qui ư vô vật. Thị vị vô trạng chi trạng, vô vật chi tượng. Thị vị bất hốt hoảng, nghinh chi bất kiến kỳ thủ. Tùy chi bất kiến kỳ hậu.

3. Chấp cổ chi đạo, dĩ ngự kim chi hữu. Năng tri cổ thủy, Thị vị đạo kỳ. [4]

Dịch xuôi:

1. Nhìn không thấy, gọi là Di. Nghe không thấy, gọi là Hi. Nắm không được, gọi là Vi. Ba điều ấy không thể suy cứu đến cùng. Cho nên hợp lại làm một.

2. Trên nó không sáng. Dưới nó không mờ. Miên man dằng dặc mà không thể đặt tên. Rồi lại trở về chỗ không có gì. Đó là trạng thái của cái không trạng thái. Hình tượng của cái không có vật chất. Cái có hoảng hốt, đón trước không thấy đầu, theo sau không thấy đuôi.

3. Giữ cái Đạo xưa để trị chuyện nay; biết cái đầu mối của thời xưa, ấy là nắm được giềng mối đạo.

Dịch thơ:

1. Gọi là Di vì nhìn chẳng nổi,
Nghe không ra nên gọi là Hi,
Thoát tay nên gọi là Vi,
Ba điều ấy, khôn suy cho cùng.
Suy không cùng nên chung làm một,
2. Trên chẳng trong, dưới suốt chẳng mờ,
Mung lung nên khó gọi thừa,
Miên man bất tận nên vô tượng hình.
Không đáng đáp, siêu linh ta gọi,
Không tượng hình nên mới siêu linh.
Phất phơ không bóng không hình,
Đầu đuôi chẳng có, cung nghinh đằng nào.

3. *Đàn hình phải sống ướm vào «cổ giả».*

Thấu nguồn xưa là rõ đạo Trời.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử lại luận về Đạo thể. Đại khái Lão tử cho rằng Đạo thể huyền vi, mung lung, ảo diệu, thoát tầm kích quan năng của con người. Đại đạo vô hình tướng, nên không có đầu đuôi, dù đón trước theo sau cũng không truy lùng ra đáng đáp.

Tuy nhiên, ta vẫn có cách biết được Đạo, nếu ta biết cách khảo sát đời sống các vị thánh nhân đời trước. Hiểu được thời cổ, tức là biết được chuyện nay, hiểu được Đạo thể.

*

Như vậy chương này Lão tử lại luận về Đạo và cho rằng Đạo vô thanh vô xú, bất khả tư nghị.

Rémusat năm 1823 đã cho rằng ba chữ Di, Hi, Vi có lẽ là đã được phiên âm từ chữ Yod, He, Vau, He: Yahweh: Thượng đế). Chữ này có lẽ đã được nhập vào Trung Hoa trước thời Lão tử. Sau này các Ông Victor von Strauss (1870) và Bác sĩ Edkins (1884) cũng lại chủ trương như vậy. James Legge cho rằng chủ trương này vu khoát. [\[5\]](#)

Tôi không nghĩ rằng ba chữ Di, Hi, Vi đã được phiên âm từ chữ YHWH của Do Thái, nhưng biết chắc là nơi đây Lão tử bàn về Đạo thể, tức là bàn về Thượng đế theo từ ngữ các nhà huyền học. Nhan Hồi cũng đã nói trong Luận ngữ:

«Càng trông lên, càng thấy cao,

Càng dùi vào càng thấy kiên cố,

Mới thấy đằng trước,

Thoát đã ra sau...» [\[6\]](#)

Các bậc đại thánh Âu châu, từ Ruysbroeck, Jean de la Croix đến Thérèse d'Avila, đều phân biệt rõ ràng giữa Thực tại mà họ thấy, với những hình ảnh mà họ dùng để mô tả Thực tại ấy.

Họ luôn luôn chủ trương như Dionysius và Eckhart rằng Cái mà họ chiêm ngưỡng vốn không có hình tướng. Họ lại cũng chủ trương như Jean de la Croix rằng: tâm hồn

không thể nào phối hiệp hoàn toàn được với Đạo, nếu họ còn phải qua trung gian của Hình, Thức, Sắc, Tướng. [7]

Phật cũng nói: «Nhuộc dĩ sắc kiến Ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất kiến Như Lai.» 若以色見我, 以音聲求我, 是人行邪道, 不見如來 (Kim Cương kinh).

Nếu Đạo đã vô hình tướng như vậy thì làm sao mà tìm thấy Đạo? Các nhà bình giải đoạn này bình giải mỗi người một cách. Chung qui ta thấy có ba cách này:

- a) Muốn tìm Đạo phải truy kỳ nguyên, từ lúc chưa có đất trời. [8]
- b) Muốn tìm Đạo phải biết hồi quang phản chiếu, để tìm ra Đạo thể ở đáy lòng. [9]
- c) Muốn tìm Đạo, phải nương theo cách thức của người xưa.

Khảo các nhà huyền học, ta thấy xưa cũng như nay, đạo lý chỉ có một, đó là: Trời chẳng xa người. Tewekkul Beg, một nhà huyền học Hồi giáo thế kỷ 17 nói: «Ngài chính là tôi, thế mà trước kia tôi u mê, không biết điều huyền diệu siêu việt ấy.» [10]

Plotin nói: «Thượng đế chẳng ở ngoài ai, nhưng hiện diện trong mọi sự vật, mặc dầu mọi người không biết vậy.» Nói cách khác: «Thần Chúa ở trong các bạn.» [11]

«Tuyệt đối mà mọi người tìm cầu không có ở cao xa diệu vợi tách rời khỏi vũ trụ hình tướng bất toàn này, nhưng đã ở ngay trong lòng biến dịch; đã đứng chờ ngay ở cửa lòng con người và gõ và chờ cho phàm tâm con người dần dà tìm ra được kho tàng của nó.» [12]

Đại đồng chân kinh 大洞真經 cũng viết: «Trời vốn dĩ chẳng xa người.» (Thiên nhân bản thị vô sai biệt 天人本是無差別); [13] và mục đích của khoa luyện đan cũng chính là tìm ra được, Thái cực, được Trời, được Đạo trong lòng mình. [14]

[1] Trí cật 致詰: gạn hỏi đến cùng.

[2] Kiểu 皎: sáng.

[3] Thẳng thẳng 繩繩: miên man.

[4] Đạo kỷ 道紀: giềng mối của Đạo.

[5] Cf. J. Legge, *The Textes of Taoism*, p. 106.

[6] Nhan Uyên vị nhiên thán viết: Ngưỡng chi di cao, toản chi di kiên. Chiêm chi tại tiền, hốt nhiên (yên) tại hậu 顏淵喟然歎曰: 仰之彌高, 鑽之彌堅. 瞻之在

前, 忽然 (焉) 在後. Luận Ngữ, chương 9, câu 10.

[7] The great mystics, however - Ruysbroeck, St. John of the Cross, and St Teresa herself in her later stages - distinguish clearly between the indicible Reality which they perceive and the image under which they describe it. Again and again they tell us with Dionysius and Eckhart, that the Object of their contemplation «hath no image»: or with St John of the Cross that «the Soul can never attain to the height of the divine union, so far as it is possible in this life, through the medium of any forms or figures.» Evelyn Underhill, *Mysticism*, p. 94.

[8] Cổ thủy giả, chỉ Đại Đạo tại Tượng đế chi tiên. Cổ vân cổ thủy 古始者, 指大道在象帝之先. 故云古始. Tống Long Uyên, *Đạo đức kinh giảng nghĩa*, tr. 21b.

[9] Nhân năng phản quan tự tính, bất chước thanh sắc, bất chấp hữu vô, tiền niệm bất khởi, hậu niệm bất tục, niệm niệm bất hữu, ly nhất thiết sắc tướng, tắc vô trạng chi trạng, vô tượng chi tượng, tự nhiên vạn pháp hỗn nhi vi nhất. 人能返觀自性, 不著聲色, 不執有無, 前念不起, 後念不續, 念念不有, 離一切色相, 則無狀之狀, 無象之象, 自然萬法混而為一. Ib. tr. 32a.

[10] «Thou art I, but dark was my heart, I knew not the secret transcendent» says Tewekkul Beg, a moslem mystic of the seventeenth century. Cf. Evelyn Underhill, *Mysticism*, p. 119.

[11] «God» says Plotinus «is not external to anyone, but is present with all things, though they are ignorant that he is so.» In other and older words: The Spirit of God is within you. Ib. p. 119.

[12] The Absolute Whom all seek does not hold Himself aloof from an imperfect material Universe, but dwells within the flux of things: stands as it were at the very threshold of consciousness and knocks, awaiting the the self's slow discovery of her treasures. Evelyn Underhill, *Mysticism* p. 119.

[13] Thiên nhân bản thi vô sai biệt; Nhất điểm linh quang hỗn thái huyền. 天人本是無差別; 一點靈光混太玄. Tr. 5b.

[14] *Đại đồng chân kinh*: Đan giả hà dã, nhân trung chi thái cực dã 大洞真經: 丹者何也, 人中之太極也.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch



» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 15

HIỂN ĐỨC

顯德

Hán văn:

古之善為士者，微妙玄通，深不可識。夫唯不可識，故強為之容。豫焉若冬涉川。猶兮若畏四鄰。儼兮其若客。渙兮其若冰之將釋。敦兮其若朴。曠兮其若谷。混兮其若濁。孰能濁以止，靜而徐清。孰以安以久，動而徐生。保此道者，不欲盈。夫唯不盈，故能蔽，不新成。

Phiên âm:

1. Cổ chi thiện vi sĩ [1] giả, vi diệu huyền thông, thâm bất khả thức. Phù duy bất khả thức, cố cường vi chi dung.
2. Dự [2] yên nhược đồng thiệp xuyên. Do [3] hề nhược úy tứ lân. Nghiễm [4] hề kỳ nhược khách. [5] Hoán hề nhược băng chi tương thích. Đôn hề kỳ nhược phác. [6] Khoáng [7] hề kỳ nhược cốc. Hồn hề kỳ nhược trọc.
3. Thực năng trọc dĩ chỉ, tĩnh nhi từ thanh. Thực dĩ [8] an dĩ cửu động nhi từ sinh. [9]

4. Bảo thủ Đạo giả bất dục doanh. Phù duy bất doanh cố năng tể,[\[10\]](#) bất tân thành.[\[11\]](#)

Dịch xuôi:

1. Bậc hoàn thiện xưa siêu vi, huyền diệu, thâm thúy, thông suốt; thâm thúy khôn lường. Vì khó lường nên gượng tả hình dung.

2. Các ngài thận trọng như mùa đông đi qua sông; các ngài e dè sợ lảng giềng bốn bên; kính cẩn như khách; lạnh lùng như băng tan; mộc mạc chất phác như chưa đổ gọt; man mác như hang núi; hỗn mang như nước đục.

3. Ai có thể đục mà nhờ tĩnh lại dần dần trong. Ai có thể yên mà nhờ động lại dần dần linh hoạt.

4. Kẻ giữ đạo không muốn đầy. Chỉ vì không muốn đầy, nên mới che dấu và chẳng đổi mới.

Dịch thơ:

1. Ai người xưa khuôn theo đạo cả,
Sống huyền vi, rất khó tri tường.
Nay ta gạn ép văn chương,
Hình dung dấp dấp, liệu đường phác ra.
2. Họ e ấp như qua băng tuyết,
Họ ngổ ngàng như khiếp lảng giềng.
Hình dung khách khí trang nghiêm,
Băng tan, tuyết tán, như in lạnh lùng.
Họ đầy đặn như tường mộc mạc,
Nhưng phiêu khinh man mác hang sâu.
Hỗn mang ngổ nước đục ngầu,
3. Đục ngầu lắng xuống một màu trong veo.
Ngổ ù cạc một chiều an phận,
Nào ai hay sống động khôn lường.
4. Phù hoa gom góp chẳng màng,
Ai say đạo cả, coi thường phù hoa.
Sống ẩn dật, không ưa thanh thế,

BÌNH GIẢNG

Chương này chứng tỏ các bậc chân nhân đắc đạo đã có từ thượng cổ. Lão tử cho rằng các ngài là những người siêu việt huyền vi, nan trắc, nên rất khó hình dung. Tuy nhiên, Lão tử cũng đã phác họa ra chân dung một vị chân nhân đắc đạo.

1. Bậc chân nhân đắc đạo *vi, diệu, huyền, thông*.

(Vi 微 = ẩn áo; Diệu 妙 = bất trắc; Huyền 玄 = u thâm; Thông 通 = vô ngại.) Ẩn áo, huyền vi, tứ thông, bát đạt, hành tung khôn lường, in tựa thần minh.

2. Các ngài thận trọng như người qua sông băng giá, buổi đông thiên.

Sự cẩn thận là một đức tính cố hữu của các bậc triết nhân. Kinh Dịch viết:

«E dè thắng bớt bánh xe,
Hồ kia đuôi ướt, ngại bề lội sông.
Thế thời mới khỏi lỗi lầm.»

(Dịch, quẻ Ký tể, hào Sơ lục)

3. Các ngài kính cẩn như sợ lảng giềng. Bậc chí nhân luôn luôn kính sợ Trời, kính sợ Đạo tiềm ẩn đáy lòng mình, nên lúc nào cũng thận trọng, nên dẫu ở một mình cũng tưởng như ở nơi: mười mắt trông vào, mười tay chỉ vào (Thập mục sở thị, thập thủ sở chỉ, kỳ nghiêm hồ.) 十目所視,十手所指,其嚴乎 (Đại học, chương 6)

4. Vì tin rằng Trời, Đạo cũng ngự trị trong lòng mọi người nên các ngài đối với ai cũng nghiêm trang cung kính, như gặp khách quý. [\[12\]](#)

5. Các ngài, mới thoát gặp, có một vẻ ngoài lạnh lùng. Ấy chính là:

Quân tử chi giao đạm như thủy 君子之交淡如水.

Tiểu nhân chi giao cam như mật 小人之交甘如蜜.

Tống Long Uyên lại giải rằng các bậc nhân xưa coi mọi chuyện đời như là «bào ảnh quang hoa» 泡影光華 (Xem: *Đạo đức kinh giảng nghĩa*, tr. 23).

6. Các ngài có một vẻ ngoài đơn sơ, chất phác. Luận Ngữ cũng nói: «Những người cương nghị, chất phác, ít nói thời gần sự hoàn thiện.» [\[13\]](#)

7. Các ngài có một tâm hồn rộng rãi, bao la, không câu nệ cố chấp. Uyên Giám loại hàm ghi: Thánh nhân có độ lượng vũ trụ. [\[14\]](#)

8. Các ngài sống cuộc đời ẩn dật, không phô trương thanh thế đức độ, tài năng.

Đó là chủ trương: Thao quang hồi tích, ẩn thánh hiển phàm (che bớt ánh sáng làm mờ dấu tích, che dấu vẻ thánh, làm lộ nét phàm) của người xưa. [15]

9. Vì thế cho nên các bậc thánh nhân bề ngoài thời rất tầm thường, tưởng chừng như vẫn đục, ù lì, mà bề trong thời trong trẻo, linh động. Đạo đức kinh chương 70 viết:

«Xưa nay các bậc thánh nhân,
Ngọc tàng dưới lớp quần áo xác xơ.»

10. Thánh nhân không chuộng phù hoa; chẳng những không ưa phô trương thanh thế, hiện tại (tế) mà cũng chẳng mơ ước vinh quang tương lai [16] cũng như chẳng có những mộng tưởng chọc nước quấy trời.[17]

[1] Mã Tự Luân, Phó Dịch đều viết: *Thiện chi vi đạo giả* 善之為道者.

[2] Dự 豫: do dự.

[3] Do 猶: do dự.

[4] Nghiễm 儼: nghiêm trang.

[5] Khách 客: có sách viết là dung.

[6] Phác 樸: chất phác.

[7] Khoáng 曠: rộng.

[8] Tống Long Uyên thay chữ dĩ 以 bằng chữ năng 能.

[9] Lưu Tư đổi cả câu này lại như sau: Thực năng hồi dĩ lý chi từ minh; thực năng trọc dĩ tĩnh chi từ thanh; thực năng an dĩ động chi (đích) từ sinh 孰能晦以理之徐明, 孰能濁以靜之徐清; 孰能安以動之(的)徐生.

[10] Có sách viết là tế 蔽 (che). Hà Thượng Công giải là che dấu ánh sáng. Có sách viết là tệ 弊 (tệ lậu, xấu). Có sách viết là tệ 敝 (nát, tệ).

[11] Tân thành 新成: Hà Thượng Công giải là *quí công danh*.

[12] Xuất môn như kiến đại tân, sử dân như thừa đại tế. 出門如見大賓, 使民如承大祭. *Luận ngữ* chương 12 Nhan Uyên.

[13] Cương, nghị, mộc, nột cận nhân 剛, 毅, 木, 訥近仁. *Luận Ngữ*, chương 13, câu 27.

[14] Thánh nhân giả, thiên địa chi lượng dã 聖人者, 天地之量也 (Trình tử 程子). *Uyên giám loại hàm* 淵鑑類函, q. IV, tr. 4670, mục chữ Thánh 聖.

[15] Xem Tống Long Uyên, *Đạo đức kinh giảng nghĩa*, tr. 22-23.

[16] Thí như vị lai chi công danh, vị lai chi vinh quý, giai thị tân thành chi sự 譬如未來之功名, 未來之榮貴, 皆是新成之事. Tống Long Uyên, *Đạo đức kinh giảng nghĩa*, tr. 24.

[17] Celui qui garde cette règle de ne pas se consumer en désirs stériles d'un état chimérique, celui là vivra volontiers dans l'obscurité, et ne prétendra pas à renouveler le monde. -- Wieger, *Les Pères du Système Taoïste*, p. 30.

CÒN TIẾP TỪ CHƯƠNG 16 ĐẾN 81

SÁCH THAM KHẢO CHÍNH

» mục lục » khảo luận » bình dịch

1. Abel Jannière, *La Pensée d'Héraclite d'Éphèse*, Aubier, Editions Montaigne, 1959.
2. Âm Phù Kinh 陰符經 André Lamouche, *La Destinée Humaine*, Flammarion.
3. Anna K. Seidel, *La Divinisation de Lao Tseu dans le Taoïsme des Han*.
4. Annie Besant, *La Sagesse antique*.
5. Annie Besant dịch, *The Bhagavad Gita*.
6. Arthur Avalon, *La Puissance du Serpent*.
7. Arthur Waley, *The Way and its Power*, 1934.
8. Bạch Hổ Thông 白虎通
9. Berthold Altaner, *Précis de Patrologie*.
10. Brandon, *Man and his Destiny*.
11. Bùi Khánh Đản, *Đường Thi*.
12. Chu Dịch Tham Đồng Khế Phát Huy 周易參同契發輝
13. Cina Cerminara, *De nombreuses demeures*, traduction Sasia Erlics, Adyar, Paris 1966.
14. Couvreur, *Li Ki (Lễ ký 禮記)*.
15. Doãn Chân Nhân, *Tính Mệnh Khuê Chỉ 性命圭旨*

16. Dương Bá Tuấn 楊伯峻, *Luận Ngữ Dịch Chú* 論語譯注, Trung Hoa Thư Cục xb, Bắc Kinh, 1963.
17. Dr. I Klug, *Les Profondeurs de l'Âme*, Éditions Salvator Mulhouse (Haut Rhin), 1951.
18. Đại Đồng Chân Kinh 大洞真經
19. Đái Nguyên Trường 戴源長, *Tiên Học Từ Điển* 仙學辭典
20. Đàm Xuân Thiều & Trần Trọng San, *Việt Văn Độc Bản*, đệ nhị.
21. Đoàn Trung Còn, *Phật Học Từ Điển*.
22. Đông Du Bát Tiên 東遊八仙
23. *Encyclopédie des Citations*.
24. Ernest Aeppli, *Psychologie du Conscient et de l'Inconscient*, Payot, Paris, 1953.
25. Ernest E. Wood, *La Pratique du Yoga*.
26. Evelyn Underhill, *Mysticism*.
27. Giang Vị Nông cư sĩ di trước, *Kim Cương Kinh Giải Nghĩa*.
28. Hàn Phi Tử 韓非子
29. Henri Corbins, *Histoire de la Philosophie islamique*.
30. Henri Doré, *Variétés sinologiques*, No 66.
31. Henri Maspero, *Le Taoisme*, Civilisation du Sud S. A. E. P. Paris, 1950.
32. Henri Maspero, *Le Taoisme*, Éditions Gallimard, 1971.
33. Henry Steele Commager, *L'historien et l'histoire*, Nouveaux Horizons 1967.
34. Hà Thượng Công 河上公, *Lão Tử Đạo Đức Kinh âm chú* 老子道德經音注.
35. Zimmer, *Mythes et Symboles dans l'art et la civilisation de l' Inde*, Payot Paris.
36. Hoài Nam Tử 淮南子
37. Hoàng Đế Nội Kinh, Thượng hải Cầm Chương đồ thư cục ấn hành.
38. Huỳnh Nguyên Cát 黃元吉, *Đạo Đức Kinh chú thích* 道德經注釋.
39. Duyvendak, *Le Livre de la Voie et de la Vertu*, 1953.
40. Duvendak, *Tao To King*, Adrien Maisonneuse, 1953.

41. James Legge, *The Textes of Taoism*.
42. James Legge, *The Tao Te Ching*.
43. Jean Grenier, *L'Esprit du Tao*.
44. *Khổng Tử Gia Ngữ* 孔子家語
45. *Kim Đan Đại Thành Tập* 金丹大成集
46. *Kinh Thư* 書經
47. *La Montée du Carmel (Les œuvres spirituelles du Bienheureux Père Jean de la Croix, Desclée et Brower)*
48. *L'Enseignement de Ramakrishna*.
49. Léon Wieger, *Caractères Chinois*.
50. Léon Wieger, *Lao-tzeu*.
51. Léon Wieger, *Les Pères du Système Taoiste*.
52. Léon Wieger, *Tao Tei King*, 1950.
53. Léon Wieger, *Taoïsme*.
54. Léon Wieger, *Textes historiques*.
55. Liệt Tử 列子, *Xung Hư Chân Kinh* 沖虛真經.
56. Lincoln Barnett, *The Universe and Dr Einstein*.
57. *Luận Ngữ* 論語
58. Lữ Tổ, *Thái Ất Kim Hoa Tông Chỉ* 太乙金華宗旨.
59. Lưu Nhất Minh 劉一明, *Chu Dịch Xiển Chân* 周易闡真 Tây An 西安 Trung Quốc, 1995.
60. Lưu Tư 劉思, *Bạch Thoại dịch giải Lão Tử* 白話譯解老子.
61. Lý Văn Hùng 李文雄, *Trung Quốc Tân Thiên Tự Văn* 中國新千字文,
62. Marijan Molé, *Les Mystiques musulmans*.
63. Nghiêm Toản, *Đạo Đức Kinh*, tập 1, 1959; tập 2, Khai Trí xb, 1972.
64. Nguyễn Duy Cần, *Đạo Đức Kinh*, Khai Trí xb, 1968.

65. Nguyễn Hiến Lê, *Tô Đông Pha*, Cảo thơm xb.
66. Nguyễn Văn Thọ, *Khổng Học Tinh Hoa*.
67. Nguyễn Văn Thọ, *Lecomte de Nouy và học thuyết Viển đích*, Tinh Việt Văn Đoàn xb.
68. Nguyễn Văn Thọ, *Trung Dung Tân Khảo*.
69. Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê, *Dịch Kinh Đại Toàn*, tập 1, 2, 3.
70. Nhạc đoàn Lê Bảo Tịnh, *Cung Thánh Tổng Hợp*, 1963.
71. Nhượng Tống dịch, *Trang Tử Nam Hoa Kinh*
72. *Quan Thế Âm Bồ Tát Bản Tích Cảm Ứng Tụng* 觀世音菩薩本跡感應頌
73. *St Jean de la Croix*.
74. Soderblom Nathan, *La Vie future d'après le Mazdéisme*, Ernest Leroux éditeurs, Paris 1901.
75. Stanislas Julien, *Le Livre de la Voie et de la Vertu*, 1842.
76. *Thái Thượng Bảo Phiệt Đồ Thuyết* 太上寶筏圖說.
77. *Thái Thượng Xích Văn Đồng Cổ Kinh Chú*.
78. Thanh Phong dịch, *Đại Minh Hồng Vũ* 大明洪武.
79. Thanh Phong dịch, *Tây Hán Diễn Nghĩa*.
80. *Thần Tiên Luận* 神仙論.
81. *The New Dictionary of Thoughts*.
82. Thê Vân Sơn, *Lưu Nguyên Ngộ Đạo Lục*.
83. Thích Chân Giác dịch, *Thủ Lăng Nghiêm*, Linh sơn Phật học Nghiên cứu hội.
84. Thích Thiện Hoa dịch, *Kinh Kim Cương*, Hương đạo xuất bản, 1967.
85. Thích Trí Tịnh dịch, *Kinh Đại Bát Niết Bàn*, tập 1&2.
86. *Thủ Lăng Nghiêm*, Việt Nam Phật tử hội xb, q. 1.
87. Thiên Phong Lão Nhân 天峰老人 (Triệu Tị Trần 趙避塵), *Tính Mệnh Pháp Quyết* 性命法訣
88. *Thiên Tiên Chính Lý* 天仙正理

89. *Thiên Tiên Chính Lý Trực Luận* 天仙正理直論
90. Thôi Hi Phạm 崔希范, *Nhập Dược kính* 入藥鏡,
91. *Thông Thiên Bí Thư* 通天秘書
92. *Thượng Phẩm Đan Pháp* 上品丹法
93. *Tống Bản Thập Tam Kinh* 宋本十三經
94. Tống Long Uyên 宋龍淵, *Đạo Đức Kinh Giảng Nghĩa* 道德經講義
95. Trang Tử, *Nam Hoa Kinh* 莊子南華經.
96. Trần Trọng Kim, *Đường Thi*.
97. Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, quyển I.
98. *Trúc Cơ Tham Chứng* 筑基參證.
99. Trương Kỳ Quân 張其昀, *Trung Hoa Ngũ Thiên Niên Sử* 中華五千年史, quyển 3.
100. Trương Bá Đoan 張伯端 (Tử Dương Chân Nhân 紫陽真人), *Ngộ Chân Thiên* 悟真篇
101. *Tu Chân Biện Nạn Tiền Biên*.
102. *Tử Nguyên* 辭源
103. *Tứ thư* 四書.
104. *Tử Thanh Chỉ Huyền Tập* 紫清指玄集
105. Tưởng Bá Tiềm 蔣伯潛, *Chư Tử Thông Khảo* 諸子通考
106. *Tựu Chính Lục* 就正錄
107. *Uyên Giám Loại Hàm* 淵鑑類函
108. Võ Minh Trí dịch, *Đông Châu Liệt Quốc*.
109. *Xướng Đạo Chân Ngôn* 唱道真言.

LINKS

Lão Tử Đạo Đức Kinh:

- » [道德經](#) » [The Way and Its Power](#) » [James Legge](#) » [Richard Wilhelm \(Đức\)](#) » [Walter Jerven \(Đức\)](#)
- » [Charles Muller](#) » [Lão Tử Đạo Đức Kinh chữ Triện](#) » [Lão Tử trúc giản Quách Điểm \(1\) \(2\)](#)